

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Kết quả xây dựng Nông thôn mới đến năm 2019
của thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố khi triển khai thực hiện chương trình

Thành phố Thanh Hóa nằm ở khu vực chuyển tiếp giữa Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, cách Thủ đô Hà Nội 153 km về phía Nam theo QL1A, vị trí tọa độ ở vào 19⁰45' - 19⁰50' độ Vĩ Bắc và 105⁰45' - 105⁰50' độ Kinh Đông. Ranh giới: Phía Bắc giáp các huyện Hoằng Hóa và Thiệu Hóa, phía Nam giáp huyện Quảng Xương, phía Đông giáp các huyện Hoằng Hóa và Quảng Xương, phía Tây giáp huyện Đông Sơn.

Thành phố Thanh Hóa là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của tỉnh Thanh Hoá. Sau khi thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 29/02/2012 của Chính phủ, thành phố Thanh Hóa có diện tích tự nhiên là 14.677,07 ha, trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 6.873,7 ha; dân số trung bình năm 2012 có 333.900 người, chiếm 1,32% về diện tích và 9,8% về dân số toàn tỉnh. Đến tháng 8/2013, theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 19/8/2013 của Chính phủ, thành phố Thanh Hóa có 37 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 20 phường và 17 xã; dân số trung bình năm 2018 là 358.351 người; trong đó, có 30 phường, xã có sản xuất nông nghiệp, 17 xã xây dựng nông thôn mới.

Năm 2012, ngay sau khi thực hiện sáp nhập 19 đơn vị phường, xã từ các huyện Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Đông Sơn và Quảng Xương, thành phố Thanh Hóa triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về xây dựng nông thôn mới (NTM) với số lượng là 17 xã ngoại thành. Tại thời điểm năm 2012, cơ cấu giá trị sản xuất của thành phố chuyển dịch theo hướng dịch vụ và công nghiệp, ngành nông nghiệp trong cơ cấu giá trị sản xuất của thành phố chiếm tỷ trọng rất thấp, tỷ trọng các khu vực Dịch vụ - Công nghiệp và xây dựng - Nông nghiệp trong giá trị sản xuất tương ứng chiếm 31,6% - 61,5% - 6,9%; thu nhập bình quân đầu người đạt 33,8 triệu đồng/người/năm, riêng thu nhập bình quân đầu người của các xã xây dựng nông thôn mới chỉ đạt 21,9 triệu đồng/người/năm, bằng 65% trung bình toàn thành phố; đời sống người dân các xã còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao chiếm 9,17% số hộ trên địa bàn các xã và chiếm 58,1% tổng số hộ nghèo toàn thành phố; bình quân tiêu chí các xã xây dựng nông thôn mới chỉ đạt 6,87 tiêu chí/xã.

Từ những ngày đầu thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, thành phố Thanh Hóa đã phát động phong trào “*Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới*”, tiếp tục phát huy nội lực, huy động đầu tư hoàn thiện các tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới, xây dựng điểm các thôn kiểu mẫu đồng thời nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa có hiệu quả kinh tế cao, mô hình phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp qui mô hộ gia đình, tổ hợp tác, làng nghề nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo việc làm tại chỗ cho lao động ngoại thành.

Thành phố Thanh Hóa thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với mục tiêu kết hợp xây dựng nông thôn mới với từng bước đô thị hóa các xã ngoại thành; huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án cho xây dựng các xã nông thôn mới, với xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, đủ tiêu chí lên phường, tránh lãng phí trong đầu tư. Nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu gắn với sắp xếp, tổ chức lại các khu chức năng cấp xã (khu dân cư, khu đồng ruộng, khu trung tâm xã,...). Hình thành các khu dân cư nông thôn theo hướng đô thị dưới các hình thức: phố làng, thị tứ, khu dân cư làng nghề, khu dân cư nông thôn phi nông nghiệp; phấn đấu đến năm 2020, có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới¹.

2. Thuận lợi

- Chương trình MTQG xây dựng NTM là chương trình trọng tâm của Quốc gia, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến cơ sở. Các cấp đều có kế hoạch, cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở thực hiện và huy động người dân tham gia xây dựng NTM. Xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn, đúng đắn, hợp lòng dân, ngay từ khi bắt đầu triển khai đã được nhân dân đồng tình, hưởng ứng, tích cực tham gia.

- Thành phố Thanh Hóa có lợi thế phát triển kinh tế - xã hội với không gian giao lưu thuận tiện nhiều vùng miền trong, ngoài nước. Thành phố nằm ở khu vực trung tâm đồng bằng Thanh Hóa kết nối các khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Duyên hải Miền Trung, Miền núi Tây Bắc thượng nguồn sông Mã, Đông Bắc Lào và Vịnh Bắc Bộ; có vị trí địa kinh tế, chính trị và quốc phòng an ninh trọng yếu, cửa ngõ giao lưu với Miền Trung của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cửa ngõ thông thương ra biển gần nhất của khu vực phía Tây Tây Bắc Tổ quốc và Đông Bắc Thượng Lào; có lợi thế phát triển kinh tế - xã hội với không gian giao lưu thuận tiện nhiều hướng với nhiều vùng miền trong, ngoài nước đồng thời sự phát triển của thành phố có tác động thúc đẩy, lan tỏa không chỉ trong phạm vi tỉnh Thanh Hóa, Khu vực Bắc Trung Bộ mà còn tác động tích cực đến phát triển các khu vực xung quanh, trước hết là một phần Nam Đồng bằng Bắc Bộ.

¹ Công văn số 634-CV/TU ngày 14/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc hệ thống các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2015-2020.

- Thành phố Thanh Hóa có lợi thế là đầu mối kết nối nhiều tuyến giao thông quốc gia đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không, thuận lợi cho giao lưu trong nước, quốc tế. Về đường hàng không, thành phố chỉ cách sân bay Thọ Xuân của tỉnh khoảng 40 km về phía Tây theo Quốc lộ 47; về đường biển, thành phố nằm bên dòng sông Mã, có cảng Lễ Môn với luồng tàu ra biển khoảng 16 km, cách Cảng nước sâu Nghi Sơn khoảng 50 km về phía Nam theo Quốc lộ 1A; về đường bộ và đường sắt, theo chiều Bắc - Nam, có tuyến đường sắt Thống Nhất, Quốc lộ 1A chạy dọc từ Bắc vào Nam, Quốc lộ 10 chạy dọc ven biển; theo chiều Đông - Tây, có tuyến Quốc lộ 45, 47.

- Thành phố Thanh Hóa có lợi thế là đô thị trung tâm tỉnh lỵ, vị trí nằm ở khu vực trung tâm đồng bằng rất thuận tiện cho giao lưu với các vùng miền trong tỉnh. Với xuất phát điểm phát triển đi trước và là nơi tập trung nhiều nguồn lực, doanh nghiệp lớn, có lợi thế liên kết, hợp tác với các địa phương, đơn vị để đầu tư khai thác các tiềm năng lợi thế tài nguyên của tỉnh Thanh Hóa, mở rộng không gian hoạt động kinh tế thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố và các vùng miền, địa phương. Thành phố Thanh Hóa có nguồn nhân lực dồi dào và đang ở thời kỳ cơ cấu dân số vàng, trình độ văn hóa tương đối cao; thành phố Thanh Hóa hiện có 4 trường đại học, 8 trường cao đẳng cùng hệ thống các trường trung cấp nghề và cơ sở dạy nghề².

- Trong những năm qua, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - trật tự trên địa bàn luôn được duy trì ổn định; các cấp ủy đảng, chính quyền luôn nắm chắc tình hình, giải quyết tốt những vấn đề về an ninh chính trị, đặc biệt là an ninh tôn giáo, dân tộc, an ninh nội bộ; chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ.

3. Khó khăn

a) Khách quan

- Thành phố Thanh Hóa không triển khai thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới ngay từ đầu mà triển khai thực hiện tiếp nối trên cơ sở triển khai từ các huyện, do đó gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, như: công tác lập và phê duyệt quy hoạch xã NTM đã được UBND các huyện phê duyệt nhưng sự phù hợp của quy hoạch với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố không còn đảm bảo, cần phải được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với điều kiện chung của thành phố.

- Giai đoạn đầu, một bộ phận cán bộ và nhân dân nhận thức về mục tiêu, quan điểm xây dựng NTM chưa đầy đủ, còn tư tưởng ngại khó, trông chờ vào sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, trong khi khả năng bố trí ngân sách nhà nước các cấp có hạn.

² Trên địa bàn thành phố Thanh Hóa có 04 trường Đại học: ĐH Hồng Đức; ĐH Văn hóa, thể thao và du lịch; Phân hiệu trường Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh; Phân hiệu trường Đại học Y Hà Nội; có 08 trường Cao đẳng: CĐ thực hành FPT; CĐ kinh tế kỹ thuật công thương; CĐ nghề nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa; CĐ nghề công nghiệp Thanh Hóa; CĐ nghề Lam Kinh; CĐ Y - dược Hợp Lực; CĐ Y - dược Thăng Long. Tại thời điểm cuộc Tổng điều tra dân số 1/4/2019, số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn thành phố Thanh Hóa chiếm 57,54%.

- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất còn chậm, tốc độ tăng trưởng chưa cao, thu nhập của người dân nông thôn thiếu ổn định, khoảng cách thu nhập giữa các địa phương có sự chênh lệch cao; ngành nghề trong nông thôn chậm phát triển, sản phẩm nông nghiệp trở thành hàng hóa mang lại giá trị cao chưa nhiều.

- Đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận người dân nông thôn còn thấp; việc thực hiện chính sách an sinh xã hội còn nhiều bất cập, thiếu việc làm, thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn ở mức cao.

- Do tính chất thành phố Thanh Hóa là đô thị loại I trực thuộc tỉnh, là trung tâm kinh tế, văn hóa, trính trị của tỉnh, tốc độ đô thị hóa nhanh, dân số cơ học nhiều dẫn tới sự phức tạp về an ninh trật tự, quá tải về hạ tầng, ảnh hưởng đến vấn đề an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

b) Chủ quan

- Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, chưa có đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn mới chuyên nghiệp, trình độ năng lực cán bộ cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, còn nhiều lúng túng khi triển khai thực hiện.

- Việc hoàn thành các tiêu chí NTM đòi hỏi cần huy động nguồn lực rất lớn từ sự tham gia của người dân và kinh phí từ ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng cho các công trình; trong khi công tác huy động nguồn lực của các địa phương còn nhiều khó khăn.

- Một số cơ chế, chính sách triển khai thực hiện chương trình được ban hành khá đồng bộ, kịp thời, hợp lòng dân nhưng lại chậm được triển khai thực hiện ở từng đơn vị dẫn đến việc tổ chức thực hiện đạt hiệu quả chưa cao.

II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng thành phố nông thôn mới

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc Hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

- Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM;

- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM, giai đoạn 2010 - 2020;

- Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM;

- Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn NTM;

- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (thay thế Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ);

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (thay thế Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ);

- Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020 (thay thế Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ);

- Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã NTM kiểu mẫu, giai đoạn 2018-2020;

- Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM;

- Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn NTM;

- Thông tư 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách các huyện, xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn NTM, giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét,

công nhận và công bố xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2015-2020;

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới của Chính phủ; các Bộ, ngành Trung ương; UBND tỉnh Thanh Hóa; các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thành phố nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Nhận thức rõ được vai trò, ý nghĩa của cuộc vận động xây dựng NTM, là cuộc vận động xã hội sâu sắc và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nên sau khi tiếp thu các văn bản của Trung ương, của tỉnh; Ban Thường vụ Thành ủy đã tổ chức triển khai từ thành phố đến cơ sở với quyết tâm cao nhất, tổ chức tuyên truyền, quán triệt đầy đủ các văn bản qui định, hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương, của UBND tỉnh về xây dựng NTM.

Để tập trung chỉ đạo, năm 2012, thành phố Thanh Hóa đã thành lập Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM thành phố (BCĐ) với 45 thành viên do đồng chí Bí thư Thành ủy thành phố làm Trưởng ban³. Căn cứ trên các lĩnh vực phụ trách, thành viên BCĐ được giao nhiệm vụ cụ thể trong việc theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các xã thực hiện các tiêu chí NTM; phân công nhiệm vụ phụ trách các xã cho các đồng chí trong Ban Thường vụ Thành ủy, mỗi đồng chí Thường vụ Thành ủy phụ trách từ 01 đến 02 xã cụ thể, bám sát cơ sở, kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ các địa phương giải quyết các vấn đề phát sinh một cách hiệu quả; BCĐ thành phố được kiện toàn khi có thay đổi thành viên để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ. BCĐ xây dựng NTM xã, Ban phát triển thôn cũng được thành lập và đi vào hoạt động. Bên cạnh đó đã thành lập Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới⁴ do đồng chí Chủ tịch UBND thành phố làm Tổ trưởng, các Phó Chủ tịch UBND thành phố làm Tổ phó nhằm kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã trong quá trình tổ chức, triển khai, thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM.

Để lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, Thành ủy đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề chung cho công tác phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố

³ Quyết định số 444-QĐ/TU ngày 25/10/2012 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố Thanh Hóa; Quyết định số 53-QĐ/TU ngày 25/10/2015 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố Thanh Hóa.

⁴ Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn các xã xây dựng Chương trình MTQG về xây dựng NTM trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

Thanh Hóa, trong đó có gắn với nội dung xây dựng nông thôn mới⁵; đồng thời tổ chức hội nghị triển khai các văn bản của Trung ương, tỉnh, thành phố đến các địa phương.

UBND thành phố xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch cụ thể cho giai đoạn và từng năm⁶. Để xác định được lộ trình xây dựng NTM một cách khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế, thành phố đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành phụ trách tiêu chí hướng dẫn và phối hợp với các địa phương rà soát chi tiết mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí NTM, chỉ ra những nội dung công việc cần phải hoàn thiện, từ đó xây dựng kế hoạch thực hiện, phương án huy động nguồn lực một cách hợp lý, hiệu quả.

UBND thành phố đã thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới⁷, Văn phòng điều phối nông thôn mới được tổ chức và hoạt động đúng quy định, ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Hàng năm, UBND thành phố đã cụ thể các Nghị quyết của Thành ủy để ban hành nhiều đề án hỗ trợ, chủ yếu tập trung vào khuyến khích phát triển sản xuất, hỗ trợ các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội và xây dựng NTM, như:

- Về cơ chế thu tiền sử dụng đất: Ngoài hỗ trợ từ NSTP cho việc đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn các xã đáp ứng tiêu chí NTM; phần điều tiết về ngân sách thành phố từ tiền khai thác quyền sử dụng đất trên địa bàn các xã, thành phố hỗ trợ lại cho các xã trong giai đoạn phấn đấu đạt chuẩn NTM;

- Về phát triển sản xuất, thành phố đã xây dựng và ban hành các Nghị quyết, Quyết định: Hỗ trợ kinh phí mua giống lúa xây dựng vùng lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả; hỗ trợ kinh phí thực hiện mô hình cơ giới hóa đồng bộ; hỗ trợ kinh phí chuyển đổi cây trồng hiệu quả thấp sang cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện các mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp, mô hình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP⁸;

⁵ Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 29/9/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo ANTT-ATGT; Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 04/7/2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng chống ma túy; Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 23/4/2013 về phát động toàn dân tham gia phòng chống tội phạm trộm cắp; Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 06/8/2014 về nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, ý thức cộng đồng trong cán bộ, đảng viên và người dân thành phố...

⁶ Chương trình hành động số 23 -CTr/TU ngày 11/7/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố về việc thực hiện Quyết định số 287/QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 915/KH-UBND ngày 04/11/2016 của UBND thành phố về việc thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 765/KH-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố về việc thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM trên địa bàn thành phố Thanh Hóa giai đoạn 2012-2015.

⁷ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc thành lập Văn phòng điều phối nông thôn mới thành phố Thanh Hóa.

⁸ Nghị quyết số 78/2013/NQ-HĐND ngày 30/7/2013 của HĐND thành phố về cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp thành phố Thanh Hóa giai đoạn 2013-2015; Quyết định số 6279/2013/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 về việc ban hành đề án "Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp thành phố Thanh Hóa giai đoạn 2013-2015". Nghị quyết số 77/2013/NQ-HĐND ngày 30/7/2013 của HĐND thành phố về việc phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung trên địa bàn thành phố Thanh Hóa giai đoạn 2013-2015; Quyết định số 6280/2013/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND thành phố về việc ban hành đề án "Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung trên địa bàn thành phố Thanh Hóa giai đoạn 2013-2015".

- Về phát triển cơ sở hạ tầng: Hỗ trợ kinh phí xây dựng đường giao thông, kênh mương, lát vỉa hè, điện chiếu sáng; hỗ trợ kinh phí nâng cấp hệ thống truyền thanh, xây dựng Nhà văn hóa thôn; hỗ trợ khôi phục và phát nghề làng nghề truyền thống, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp⁹;

Các giải pháp hỗ trợ được ban hành đã góp phần không nhỏ trong việc khuyến khích, kích cầu cho các xã tích cực đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn, xây dựng được lộ trình cũng như đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng NTM.

Ngoài ra, MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đẩy mạnh triển khai thực hiện các mô hình dân vận khéo, tăng cường tuyên truyền, vận động thành viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua lao động, sản xuất, tích cực tham gia phong trào "*Chung tay xây dựng nông thôn mới*" bằng những việc làm cụ thể, bắt đầu từ thôn, xóm, làng, xã; từng bước thay đổi nhận thức của người dân về vai trò chủ thể của mình trong xây dựng NTM.

2. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn

2.1. Công tác tuyên truyền

Để xây dựng thành công Chương trình xây dựng NTM, BCĐ huyện xác định việc đầu tiên phải làm là tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia, làm cho người dân hiểu rõ vai trò của người dân là chủ thể xây dựng NTM, lấy nội lực là căn bản, tự giác tham gia, sáng tạo trong tổ chức thực hiện. Các cơ quan, đơn vị quản lý Nhà nước hỗ trợ tích cực, tạo ra phong trào thi đua sôi nổi trong xã hội và giúp cho cộng đồng chủ động hơn trong việc thực hiện chương trình xây dựng NTM; lấy phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ*" làm mục tiêu định hướng công tác tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng NTM.

Công tác tuyên truyền đã được cấp uỷ, chính quyền từ thành phố đến các xã lên kế hoạch từng năm và triển khai toàn diện với nội dung đa dạng, phong phú, dưới nhiều hình thức khác nhau:

a) Về hình thức

- Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận thành uỷ, Uỷ ban MTTQ thành phố, các tổ chức đoàn thể căn cứ trên lĩnh vực phụ trách xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền đến các hội viên, chi hội cơ sở, tổ chức các hội thi sân khấu hóa, thực hiện các mô hình dân vận khéo vận động hội viên chung tay xây dựng nông thôn mới;

- Chỉ đạo các xã tuyên truyền bằng rôn, khẩu hiệu, pano, apphich, tăng cường các bài viết, tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, tổ chức các hội nghị phổ biến kiến thức, các hội thi văn nghệ theo từng cụm dân cư, cụm xã về chủ đề xây dựng nông thôn mới, cung cấp sổ tay xây dựng nông thôn mới...

⁹ Nghị quyết 76/2013/NQ-HĐND ngày 30/7/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Thanh Hóa về việc khôi phục phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2013 - 2016; Quyết định số 7574/2013/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 về việc ban hành đề án "Khôi phục và phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố Thanh Hóa giai đoạn 2013-2020". Quyết định số 6631/2013/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND thành phố Thanh Hóa về đề án xã hội hóa xây dựng hệ thống đường giao thông, cây xanh lát vỉa hè, kênh mương, đường giao thông nội đồng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2016.

b) Nội dung tuyên truyền

- Các nội dung tổng quan về chương trình MTQG xây dựng NTM, các chính sách, pháp luật liên quan đến “*nông nghiệp, nông dân, nông thôn*” của Trung ương, tỉnh, thành phố ban hành.

- Tuyên truyền, phổ biến nguyên tắc và các bước tiến hành xây dựng nông thôn mới, về vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp, các tổ chức và vai trò chủ thể của người dân.

- Giới thiệu những kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới; nêu gương điển hình những tổ chức, cá nhân có nhiều công lao đóng góp trong quá trình thực hiện chương trình.

- Phổ biến quy trình triển khai thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; lập kế hoạch đầu tư xây dựng NTM cấp xã có sự tham gia của người dân.

- Tuyên truyền về đổi mới, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn, về việc đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, chăm lo công tác an sinh xã hội, uống nước nhớ nguồn; tương thân tương ái, phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương kỷ luật, xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thuần phong mỹ tục trong nhân dân...

- Công tác gìn giữ, bảo vệ môi trường ở nông thôn; phát triển văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh trật tự trong xây dựng NTM.

c) Kết quả thực hiện

Đài truyền thanh, phòng Văn hóa - Thông tin trong 7 năm qua đã xây dựng hơn 390 chuyên mục, bài viết về xây dựng NTM, tuyên truyền trực quan: 11.505 pano, áp - phích, tờ rơi; hơn 2.400 tài liệu tuyên truyền các loại được cấp phát cho BCĐ xã. Ngoài ra, thành phố đã phối hợp với Đài truyền hình tỉnh tổ chức hội thi “*Nhà nông tài giỏi*”.

Ban Dân vận Thành ủy, Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể đã triển khai thực hiện mô hình dân vận khéo mang lại hiệu quả tích cực, cụ thể:

- Mô hình “*Trồng hoa, cây cảnh thay cỏ dại ven đường*”, mô hình “*Thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật, đảm bảo vệ sinh đồng ruộng và chất lượng an toàn thực phẩm*” đã vận động các xã đồng loạt triển khai thực hiện và bước đầu đạt những kết quả khả quan.

- Ngoài ra, các mô hình “*Cựu chiến binh phối hợp tham gia chỉnh trang nhà văn hóa thôn và xây dựng tủ sách pháp luật tại nhà văn hóa thôn*” của Hội Cựu chiến binh, mô hình “*Môi trường không rác thải tại một số công trình công cộng, dòng sông, di tích*”, “*Câu lạc bộ thanh niên phát triển kinh tế*” của Đoàn thanh niên; mô hình “*Cùng chung tay xây dựng nông thôn mới*” của Mặt trận Tổ quốc thành phố cũng được triển khai rộng khắp và đạt được nhiều kết quả.

Thông qua công tác tuyên truyền, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân đã từng bước được nâng cao; người dân đã hiểu rõ hơn về tầm quan

trọng của xây dựng nông thôn mới, thấm nhuần chủ trương "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân đóng góp, dân hưởng thụ, người dân là chủ thể*".

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn

Cùng với tuyên truyền, công tác đào tạo, tập huấn luôn được thành phố quan tâm, chú trọng. Hàng năm, dựa trên các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, thành phố đã biên soạn tài liệu bám sát theo nội dung chương trình và tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ chủ chốt cấp thành phố, cấp xã về các nội dung xây dựng NTM; đồng thời, phối hợp cử cán bộ các cấp tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do tỉnh tổ chức. Trong giai đoạn 2013-2019, thành phố đã mở 20 lớp tập huấn với hơn 4.000 học viên là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND, cán bộ phụ trách nông thôn mới các xã, Ban phát triển các thôn; cử hơn 300 cán bộ tham dự các lớp bồi dưỡng của tỉnh; tổ chức 3 cuộc tham quan cho BCD thành phố, xã đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng NTM trên địa bàn thành phố Thanh Hóa

3.1. Về huy động nguồn lực

Ngay từ khi bắt tay vào thực hiện chương trình xây dựng NTM, BCD Chương trình xây dựng NTM thành phố đã quán triệt quan điểm xây dựng NTM là một chương trình lớn, cần nhiều vốn, phải đa dạng hóa các nguồn lực mới có thể thực hiện được; ngoài nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, thành phố, nguồn vốn đối ứng của xã đóng vai trò vô cùng quan trọng. Tổng nguồn lực huy động cho việc xây dựng NTM từ năm 2013 đến nay, toàn thành phố đạt 312.775,9 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 41,5 tỷ đồng, chiếm 0,01%;
- Ngân sách tỉnh: 10.616,931 tỷ đồng, chiếm 3,4%;
- Ngân sách thành phố: 57.551,697 tỷ đồng, chiếm 18,4%;
- Ngân sách xã: 33.247,841 tỷ đồng, chiếm 10,6%;
- Vốn vay tín dụng: 60 tỷ đồng, chiếm 0,02%;
- Doanh nghiệp, HTX: 296,56 tỷ đồng, chiếm 0,09%;
- Nhân dân tham gia (tiền mặt, ngày công lao động, hiến đất, chỉnh trang nhà ở, vườn tạp.....): 210.961,329 tỷ đồng, chiếm 64,48%.

3.2. Về quản lý và sử dụng nguồn vốn

Để đảm bảo quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, UBND tỉnh, UBND thành phố đã phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng mục đích, đúng đối tượng và nguồn lực chủ yếu trong đầu tư, hỗ trợ các xã thực hiện chương trình xây dựng NTM. Ngân sách thành phố ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hoàn thiện các tiêu chí giao thông, thủy lợi, hệ thống điện nông thôn, trường học, trạm y tế, cơ sở vật chất văn hóa xã, thôn, vệ sinh môi trường và đầu tư phát triển sản xuất.

Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, thành phố đã chỉ đạo chủ đầu tư tập trung, triển khai có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên đầu tư các

công trình phục vụ phát triển sản xuất, phục vụ dân sinh như: nước sạch, điện chiếu sáng công cộng, vệ sinh môi trường nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, giao thông, trường học, trạm y tế...

Nguồn vốn nhân dân đóng góp và nguồn vốn huy động khác được thực hiện đúng quy định, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, do người dân tự bàn bạc, quyết định, thực hiện đúng quy chế dân chủ, không áp đặt. Nhân dân trực tiếp quản lý, quyết định đầu tư theo đúng các hạng mục trong Đề án xây dựng NTM đã được phê duyệt. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn do nhân dân đóng góp thông qua các Ban phát triển thôn, Ban giám sát cộng đồng, đảm bảo sự đồng thuận trong nhân dân, đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chất lượng xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở các xã trên địa bàn thành phố.

IV. Kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn thành phố: 17 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 17 xã, đạt tỷ lệ 100%¹⁰; trong đó:

+ 05 xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2013-2016 theo Bộ tiêu chí quốc gia 491/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 4296/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

+ 12 xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2017-2019 theo Bộ tiêu chí quốc gia 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 1415/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017 - 2020.

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch

Sau khi sáp nhập các xã về thành phố, UBND thành phố đã tổ chức rà soát quy hoạch nông thôn mới của các xã đã được UBND các huyện phê duyệt, về cơ bản các quy hoạch nông thôn mới của các xã không phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Trên cơ sở quy hoạch chung thành phố, UBND thành phố đã tổ chức lập quy hoạch các phân khu tỷ lệ 1/2000 để làm cơ sở thực hiện phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới; đến ngày 01/4/2016, UBND thành phố đã hoàn thành phê duyệt quy hoạch phân khu cuối cùng (phân khu số 6)¹¹. UBND thành phố đã chỉ đạo các xã tổ chức công khai bản đồ quy

¹⁰ Danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2019 kèm theo Báo cáo này.

¹¹ Đến ngày 12/10/2015, UBND thành phố Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 8990/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án xây dựng NTM của các xã thực hiện Chương trình xây dựng NTM. UBND thành phố đã chỉ đạo các đơn vị tư vấn phối hợp UBND các xã tiến hành rà soát, kế thừa các quy hoạch đã có, bổ sung các quy hoạch mới (quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch đất, quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng) theo yêu cầu của Chương trình xây dựng NTM và theo Quy hoạch chung thành phố Thanh Hóa được cụ thể hóa thành các quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000. Đến ngày 31/12/2016, có 17/17 xã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt, ban hành quy chế quản lý quy hoạch theo quy định.

hoạch tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn, cấm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt, chất lượng quy hoạch của thành phố được tỉnh đánh giá khá, công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch luôn được quan tâm, chỉ đạo.

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

2.2.1. Giao thông

Tổng chiều dài đường giao thông của các xã trên địa bàn là 475,845km; trong đó: đường trục xã, liên xã dài 85,633km; đường trục thôn, xóm 111,014km; đường ngõ xóm 162,424km và 149,234km đường trục nội đồng.

Khi triển khai thực hiện xây dựng NTM, hệ thống giao thông nông thôn của thành phố cơ bản chưa đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất, dân sinh cũng như tiêu chí NTM; tỷ lệ đường giao thông thôn xóm được kiên cố hóa (bê tông hóa) đạt tỷ lệ thấp chủ yếu là đường đất, đá cấp phối, nhiều tuyến đường bị ngập úng vào mùa mưa; đường trục nội đồng chủ yếu là đường đất; nền và mặt đường nhỏ, hẹp.

Với phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”, từ tháng 7/2012 đến nay, kết hợp nhiều nguồn vốn khác nhau (tỉnh: hỗ trợ xi măng, hỗ trợ kinh phí làm đường giao thông nội đồng theo Chương trình “*Vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng, hiệu quả cao*”, chính sách “*hỗ trợ kinh phí phát triển giao thông nông thôn*”; sự tham gia của các doanh nghiệp, ngân sách thành phố, xã và đóng góp của người dân) và thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 29/6/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Thanh Hóa về huy động nội lực phát triển kinh tế thành phố Thanh Hóa, giai đoạn 2012 - 2020; Quyết định số 6631/2013/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND thành phố Thanh Hóa về đề án xã hội hóa xây dựng hệ thống đường giao thông, cây xanh lát vỉa hè, kênh mương, đường giao thông nội đồng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2016, giai đoạn 2017-2020; tất cả các xã (đặc biệt là các xã đã được công nhận theo bộ tiêu chí 491/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) đã rà soát đầu tư làm mới, nâng cấp, sửa chữa và mở rộng được hàng trăm km đường giao thông, đảm bảo đáp ứng yêu cầu tiêu chí mới. Đến nay, hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn các xã cơ bản đã được kiên cố hóa đảm bảo theo tiêu chí nông thôn mới; cụ thể:

- Có 85,633km/85,633km đường xã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn; đảm bảo ô tô đi lại quanh năm; đạt 100%.

- Có 106,423km/111,014km đường thôn, trục thôn được bê tông hóa đạt chuẩn; đảm bảo ô tô đi lại quanh năm; đạt 96,73%.

- Có 62,5km/64,87 km đường ngõ xóm được bê tông hóa đạt chuẩn, sạch và không lầy lội vào mùa mưa; đạt 96,5%, tăng 70,45% so với năm 2012.

- Có 158,272km/162,424km đường trục chính nội đồng được bê tông hóa, cứng hóa đạt chuẩn; đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm; đạt 97,44%.

2.2.2. Thủy lợi

Hệ thống công trình thủy lợi của thành phố đã được đầu tư khá hoàn chỉnh và đồng bộ, từ kênh liên xã đến mặt ruộng, đáp ứng tốt nhu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất và đảm bảo về phòng chống thiên tai tại chỗ. Hệ thống tưới, tiêu nội đồng do xã, phường quản lý đều nằm trong hệ thống tưới tiêu liên xã với tổng chiều dài 537,44 km (trong đó, có 70,03%, tương ứng với 376,99km/537,44km kênh tưới được kiên cố), phục vụ tưới, tiêu chủ động cho 6.785 ha/năm đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và dân sinh, đạt 100% kế hoạch.

Từ năm 2012 đến nay, toàn thành phố đã đầu tư được 57,3km kênh mương với tổng mức đầu tư gần 60 tỷ đồng cùng hàng trăm ngày công lao động của nhân dân để đào đắp, xây dựng hệ thống kênh mương, trạm bơm phục vụ cho tưới tiêu, sản xuất. Công tác nạo vét khơi thông dòng chảy, sửa chữa nâng cấp và xây mới các công trình thủy lợi được quan tâm thực hiện.

Công tác phòng, chống thiên tai luôn được quan tâm, trên địa bàn thành phố Thanh Hóa không để xảy ra các thiệt hại lớn do thiên tai gây ra. Hàng năm, 100% các xã, và các ngành đã thành lập, kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai; có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão theo phương châm “4 tại chỗ” được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai. Nhìn chung hệ thống thủy lợi và công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn thành phố đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất, dân sinh, phòng chống thiên tai và tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM.

2.2.3. Điện nông thôn

Trên địa bàn 17 xã xây dựng nông thôn mới, 100% hệ thống lưới điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; trong đó, có 104 trạm biến áp, 125,3km đường trung thế, hơn 231,253km đường dây hạ thế, được quản lý, vận hành bởi Điện lực thành phố Thanh Hóa, Điện lực Đông Sơn, Điện lực Thiệu Hóa, Điện lực Quảng Xương, Điện lực Nông Cống, Điện lực Hoằng Hóa, Công ty cổ phần quản lý, kinh doanh điện Thanh Hóa và các Hợp tác xã điện năng. Hàng năm, các đơn vị đều có kế hoạch đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện bằng các nguồn vốn và dự án khác nhau nhằm đảm bảo vận hành lưới điện ổn định, an toàn, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, sinh hoạt của nhân dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Hiện nay, trên địa bàn 17 xã xây dựng nông thôn mới, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng điện an toàn từ các nguồn đạt 100% (tương ứng với số tuyệt đối là 29.738hộ/29.738hộ).

2.2.4. Giáo dục và Đào tạo.

Trong những năm qua, thành phố Thanh Hóa luôn coi giáo dục và đào tạo là “Quốc sách hàng đầu”, luôn quan tâm ưu tiên chỉ đạo đối với ngành Giáo dục và Đào tạo. Chất lượng giáo dục luôn nằm trong tốp đầu của toàn tỉnh; tuy nhiên, thời điểm năm 2012, tại 17 xã xây dựng nông thôn mới chỉ có 26/51 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 51%.

Đến nay, dưới sự chỉ đạo tích cực của các cấp lãnh đạo, chất lượng giáo dục của 17 xã xây dựng nông thôn mới đã được nâng lên rõ rệt. Việc thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục ở các cấp học, bậc học có nhiều chuyển biến. Cùng với việc chăm lo giáo dục kiến thức còn quan tâm phát triển giáo dục thể chất, kỹ năng sống, ngoại ngữ cho học sinh. Tại 17 xã xây dựng nông thôn mới đã có 46/51 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 90,1%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề đạt 99,3%. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 71%. Công tác phổ cập giáo dục, 100% xã xây dựng nông thôn mới đều duy trì đạt chuẩn phổ cập cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 3, xóa mù chữ đạt mức độ 2.

2.2.5. Cơ sở vật chất văn hóa

Trước năm 2012, cơ sở vật chất văn hóa còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu, toàn thành phố chỉ có 112/244 phố, thôn có nhà văn hóa – khu thể thao, đạt tỷ lệ 45,09%. Từ ngày 01/07/2012, thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 01/07/2012 của Chính phủ sáp nhập thêm 19 phường, xã về thành phố, nâng tổng số phố, thôn của thành phố lên 419 phố, thôn. Số phố, thôn có nhà văn hóa – khu thể thao là 241/419 phố, thôn (đạt 57,5%).

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, thành phố đã ban hành giải pháp hỗ trợ, kích cầu cho các phố, thôn trong việc xây dựng nhà văn hóa¹². Từ năm 2012 đến nay, thông qua công tác tuyên truyền, vận động, nhân dân trên địa bàn 17 xã xây dựng NTM đã tích cực đóng góp tiền của, ngày công lao động, vật liệu xây dựng để xây mới, nâng cấp 119 nhà văn hóa và khu thể thao thôn. Đến nay, các xã đều có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao. Các xã đều có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi và đảm bảo điều kiện, nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em. Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (có những thôn của xã có sân thể thao trong khuôn viên nhà văn hóa, sân thể thao liên thôn) theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đạt 100%, cụ thể:

- 17/17 xã có Trung tâm văn hóa thể thao với diện tích, quy mô xây dựng đạt chuẩn: Nhà hội trường từ 200 đến 350 chỗ ngồi khang trang được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ, loa đài, âm thanh, ánh sáng.... có khu thể thao đảm bảo với sân bóng chuyền, sân cầu lông, bóng bàn, sân tập dưỡng sinh và đi bộ cho người cao tuổi, khu vực vui chơi giải trí cho trẻ em.... và có sân vận động đảm bảo tổ chức Đại hội thể dục thể thao, các hoạt động thể thao hàng ngày của nhân dân.

- 17/17 xã bố trí khu vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em, sử dụng cơ sở vật chất của Trung tâm văn hóa - thể thao.

- 119/119 thôn có nhà văn hóa, khu thể thao thôn, số nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là

¹² Tỉnh hỗ trợ 50 triệu đồng/nhà văn hóa, thành phố hỗ trợ 50 triệu đồng/nhà văn hóa.

78/119 (65,6%). Quy mô các nhà văn hóa từ 70 đến trên 100 chỗ ngồi với đầy đủ các thiết chế và trang thiết bị: loa đài, tủ sách, bàn ghế...theo quy định, đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và tổ chức các hoạt động của nhân dân; 100% các thôn có khu thể thao.

- 100% các xã đã triển khai Kế hoạch phòng, chống đuối nước cho trẻ em đến tận các thôn và tham gia các lớp tập huấn phòng, chống đuối nước do thành phố tổ chức, lập kế hoạch xây dựng bể bơi phục vụ phòng, chống đuối nước vào những năm tiếp theo.

2.2.6. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Thành phố Thanh Hóa có 41 chợ nằm trong quy hoạch hệ thống chợ của tỉnh, trong đó trên địa bàn 17 xã có 13 chợ. Trong giai đoạn 2012-2019, trên địa bàn các xã đã thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý được 05 chợ. Sau khi các chợ được giao cho doanh nghiệp quản lý đã tiến hành đầu tư xây dựng lại cơ sở vật chất trong chợ đảm bảo cho việc quản lý, kinh doanh của chợ; một số chợ đã được đầu tư xây dựng và chứng nhận chợ hợp quy chợ kinh doanh thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN: 11856 - 2017 như: chợ Môi xã Quảng Tâm, chợ Tào xã Hoằng Lý, chợ Vồm xã Thiệu Khánh, chợ Vân Nhung, chợ Giàng, chợ Thiệu Vân, chợ Nấp, chợ Huyện.... Các chợ trên địa bàn xã đều có Ban quản lý, nội quy theo quy định. Song song với công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ, UBND thành phố tích cực kêu gọi các nhà đầu tư vào đầu tư xây dựng các chợ mới theo quy hoạch được duyệt của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Đối với các xã không có quy hoạch chợ đều có cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini, cửa hàng tạp hóa, cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân.

2.2.7. Thông tin và truyền thông

17/17 xã trên địa bàn thành phố có Bưu điện văn hóa xã có trụ sở giao dịch khang trang, trang thiết bị phù hợp đảm bảo phục vụ cho hoạt động bưu chính đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông của các tổ chức, nhân dân tại địa phương, như: gửi bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo, cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của Nhà nước... Ngoài ra, còn cung cấp các dịch vụ khác, như: chuyển tiền nhanh, tiết kiệm bưu điện, chi trả lương hưu và BHXH, thu BHXH tự nguyện, bán bảo hiểm ô tô, xe máy.... Các điểm phục vụ bưu chính có biển hiệu, có nhân viên phục vụ và thùng thư công cộng hoạt động theo quy định.

17/17 xã có hạ tầng viễn thông và internet đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng: điện thoại cố định mặt đất và điện thoại di động mặt đất; 100% các thôn được phủ sóng 3G, 4G của các nhà mạng viễn thông di động, đường truyền internet băng thông rộng được các nhà mạng triển khai và lắp đặt đến từng hộ của các thôn trên địa bàn.

17/17 xã có Đài truyền thanh cấp xã, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; 100% số thôn trong các xã có hệ thống loa, cụm loa truyền thanh và hoạt động thường xuyên.

17/17 xã trong thành phố có ứng dụng thông tin trong quản lý điều hành (trang thông tin điện tử; phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc); phần mềm theo dõi nhiệm vụ; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ; 100% số xã trên địa bàn được trang bị máy tính phục vụ công tác và có hòm thư điện tử công vụ; 100% cán bộ, công chức xã đã sử dụng thành thạo máy vi tính, hòm thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc; tỷ lệ cán bộ công chức của xã được trang bị máy tính phục vụ công việc đạt 98%.

2.2.8. Nhà ở dân cư

Nhà ở dân cư là một nhân tố quan trọng "*An gia lập nghiệp*", có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của người dân đặc biệt là người dân nông thôn. Xuất phát từ nhân tố quan trọng đó, trong những năm qua từ thành phố đến các xã không ngừng quan tâm vận động người dân tích cực chuyển đổi cơ cấu sản xuất, ngành nghề, có thêm việc làm, tăng thêm thu nhập giúp người dân từng bước tích lũy xây dựng nhà ở ổn định, đạt chuẩn. UBND thành phố đã thực hiện tốt nhà ở cho người nghèo theo chính sách của Chính phủ, kêu gọi sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân những nhà hảo tâm để giúp đỡ các hộ nghèo, người có công với cách mạng xây dựng nhà ở theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố không có nhà tạm, nhà dột nát. Từ năm 2012 đến nay, toàn thành phố đã xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp được 19.131 ngôi nhà ở dân cư đạt tiêu chí của Bộ Xây dựng, trong đó, tại 17 xã xây dựng nông thôn mới là 5.324 nhà; 100% số xã trên địa bàn thành phố đạt tiêu chí nhà ở dân cư; tỷ lệ nhà ở dân cư trên 17 xã xây dựng NTM đạt chuẩn Bộ Xây dựng đạt 94,46% (29.045 nhà/30.748 nhà), nhà đảm bảo "03 cứng", diện tích nhà ở đạt từ 16m²/người trở lên, niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 30 năm trở lên, nhà có đầy đủ các công trình phụ trợ và kiến trúc phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của địa phương.

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân luôn được cấp ủy, chính quyền thành phố đến các xã xác định là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng NTM. Để thực hiện mục tiêu này, thành phố đã tập trung khai thác mọi tiềm năng, lợi thế so sánh để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân thời kỳ 2012-2019 đạt 14,4%, trong đó: ngành dịch vụ tăng 13,3%; công nghiệp - xây dựng tăng 13,4%; ngành nông, lâm, thủy sản tăng 2,1%. Năm 2019, cơ cấu các ngành kinh tế trong giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng tích cực: nông, lâm, thủy sản chiếm 3,3%; công nghiệp - xây dựng chiếm 64,5%; dịch vụ chiếm 32,2%. Trên địa bàn thành phố nói chung, các xã xây dựng NTM nói riêng đã khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của từng vùng, địa phương để nâng cao hiệu quả sản xuất và gắn với nhu cầu thị trường; thu nhập bình quân đầu người năm 2019 ước đạt 95 triệu đồng, gấp 2,8 lần so với năm 2012 (mục tiêu đến năm 2020 đạt 115 triệu đồng), trong đó khu vực nông thôn tại 17 xã xây dựng NTM

đạt 43,6 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo của toàn thành phố giảm từ 5,3% (4.211 hộ) năm 2012 xuống còn 0,92 % (920 hộ) vào cuối năm 2018 (trong đó hộ nghèo NTM của 17 xã là 189/31.994 hộ, chiếm tỷ lệ 0,59%, đã trừ số hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội).

2.3.1. Về sản xuất nông nghiệp

Xác định việc tái cơ cấu sản xuất, trong đó ưu tiên cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp là vấn đề cốt lõi trong xây dựng NTM, thành phố đã tập trung xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong nông nghiệp nông thôn, đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội ngành nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo trong nông thôn. Năm 2012, toàn thành phố tập trung công tác rà soát, lập quy hoạch phân khu; quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, trong đó chú trọng quy hoạch vùng chuyển đổi diện tích kém hiệu quả sang các loại cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân ngành nông, lâm, thủy sản hàng năm thời kỳ 2012-2019 đạt 2,1%; sản lượng lương thực có hạt đạt 459,7 nghìn tấn.

- Về trồng trọt:

Thành phố đã chỉ đạo các xã tích cực đổi mới bộ giống, điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hoá, nâng cao chất lượng và giá trị, đưa sản xuất phát triển toàn diện đạt nhiều thành tựu mới. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt không ngừng tăng qua các năm, giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt từ 98 triệu đồng năm 2012 lên 131 triệu đồng năm 2018 (theo giá hiện hành); đến nay, trên địa bàn 17 xã đã chuyển đổi được hơn 638,42ha, chiếm 70,16% toàn thành phố (638,42ha/910ha) đất canh tác lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác, trong đó chuyển đổi sang trồng ngô, trồng hoa, rau màu các loại, lúa cá kết hợp. UBND thành phố chỉ đạo các xã tập trung phát triển các loại cây rau màu, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao: ớt xuất khẩu, dưa bao tử, cà chua, khoai tây, **chuối lá ở Quảng Phú, Đông Vinh, Chanh không hạt ở Thiệu Khánh**

Trong những năm qua, thành phố đã tập trung chỉ đạo đưa cơ giới hóa vào sản xuất một cách mạnh mẽ, đồng bộ. UBND thành phố ban hành Đề án cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất: hỗ trợ cho nông dân, HTX, tổ chức mua sắm máy móc, thiết bị để thực hiện cơ giới hoá đồng bộ trong sản xuất lúa. Hiện nay, trên địa bàn 17 xã đã có 542 máy làm đất các loại, trong đó có 243 máy lớn (12-35 mã lực); 43 máy gặt đập liên hợp Kubota (60-80 DC); 27 máy cấy; 3 máy gieo hạt; 75 máy phun thuốc trừ sâu bằng động cơ và 90.000 khay nhựa sản xuất mạ khay. Đến nay, khâu làm đất đã cơ giới hóa 100% diện tích, thu hoạch lúa bằng máy gặt đập liên hợp trên 90% diện tích, đã tổ chức cấy lúa bằng máy được trên 950 ha. Thành phố đã chỉ đạo các xã tích cực đổi mới cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ (chuyển đổi cây lúa vụ xuân sang 100% trà xuân muộn; 90% trà mùa sớm), chủ động phối hợp với các Công ty giống cây trồng đưa vào địa bàn các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao như: nhãn hương

chi, bưởi diễm, bưởi da xanh, cam vinh, cam canh, thanh long ruột đỏ, ôi tứ quý, nấm linh chi, nấm hương, nấm sò, nấm rơm, nấm mộc nhĩ, nấm mỡ ...; nhiều giống lúa và giống ngô mới có năng suất, chất lượng cao.

Với lợi thế là thành phố là đô thị trung tâm tỉnh lỵ, nhu cầu về nguồn thực phẩm chất lượng cao ngày càng lớn, thành phố đã tập trung đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị trên đơn vị diện tích canh tác. Hiện nay, nhiều hộ, cơ sở sản xuất, HTX đã sử dụng biện pháp tưới nước tiết kiệm, sản xuất trong nhà lạnh, nhà màng, nhà lưới, sản xuất hữu cơ và sử dụng các chế phẩm sinh học trong sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Về chăn nuôi, thủy sản:

Những năm qua, ngành chăn nuôi đạt được một số kết quả về mức độ tăng trưởng, tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp tăng dần, chăn nuôi trang trại, công nghiệp bước đầu hình thành và phát triển. Để tiếp tục đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp theo hướng tăng nhanh giá trị chăn nuôi, thủy sản, thành phố đã tập trung chỉ đạo rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch và xây dựng các vùng sản xuất chăn nuôi tập trung. Hiện nay, trên địa bàn các xã có 94 trang trại, gia trại, trong đó, có 9 trang trại chăn nuôi, còn lại là trang trại, gia trại tổng hợp; một số trang trại đã đầu tư chăn nuôi lớn như trang trại gà ở Hoàng Đại, Hoàng Quang, trang trại lợn tại xã Thiệu Khánh và Đông Hưng; nhiều mô hình chăn nuôi khác như gà ri vàng rơm, chăn nuôi gà theo hướng hữu cơ, nuôi con đặc sản (vịt trời, chim trĩ, chim bồ câu, ba ba, nhím...), mô hình liên kết sản xuất con giống gia cầm đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hầu hết các hộ chăn nuôi đều áp dụng các biện pháp xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao hiệu chăn nuôi như: chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học, làm bể biogas, nuôi tôm the chân trắng trên nền bạt, **nuôi cá lăng tại Đông Vinh...**

Sản xuất thủy sản tăng trưởng ổn định, tổng diện tích nuôi trồng 395ha, trong đó có gần 100 ha diện tích nuôi trồng thủy sản nước lợ tập trung chủ yếu tại xã Quảng Phú và Hoàng Đại, còn lại là diện tích mặt nước ao, hồ và chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng cá – lúa kết hợp; một số hộ gia đình cũng đã áp dụng biện pháp nuôi trồng thủy sản theo hướng VietGap; khai thác nguồn thủy sản tự nhiên chủ yếu ở các sông.

2.3.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản có bước phát triển liên tục với tốc độ khá cao

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng là ngành kinh tế quan trọng, những năm gần đây thành phố đã tập trung chỉ đạo, lãnh đạo và có nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố nên đã có sự đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước, trở thành ngành chủ đạo với tốc độ tăng trưởng ở mức cao. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm ngành công nghiệp – xây dựng giai đoạn 2012-2019 tăng 13,4%; tổng giá trị sản xuất năm 2019 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 69.291 tỷ đồng, tăng 1,9 lần so với năm 2012 (tăng 37.135 tỷ đồng); cơ cấu giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 61,5% vào năm 2012 lên 64,5% vào năm 2019.

Tiểu thủ công nghiệp được phát triển đúng định hướng, đã hoàn thành quy hoạch thêm 3 cụm nghề, làng nghề; nâng tổng số cụm nghề, làng nghề trên địa bàn thành phố hiện có lên 3 cụm nghề, làng nghề và 3 làng nghề truyền thống, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và làm nghề của nhân dân, bảo đảm vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Một số làng nghề và sản phẩm tiểu thủ công nghiệp được khôi phục, phát huy như: nghề hương ở phường Trường Thi, rượu làng Quảng ở Đông Vệ, chế tác đá ở các phường An Hoạch, Quảng Thắng.... Các khu công nghiệp và cụm công nghiệp đã thu hút hàng nghìn doanh nghiệp vào sản xuất kinh doanh tạo công ăn việc làm cho hàng trăm nghìn lao động nông thôn thành phố và các huyện lân cận với mức thu nhập bình quân từ 6-7 triệu đồng/người/tháng. Bên cạnh đó, các hộ kinh doanh cá thể, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố cũng đã thu hút được nhiều lao động với mức thu nhập bình quân 4-4,5 triệu đồng/người/tháng.

Đối với các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hiện nay đang phát triển tốt: sản phẩm gạch không nung, gạch ốp lát, bia, thức ăn chăn nuôi, nước nắm, may mặc, giày da..., sản phẩm bánh đa nem các loại tại phường Đông Vệ, Nem chua tại phường Tào Xuyên, xã Hoằng Lý; sản phẩm đá Mỹ nghệ tại phường An Hoạch và xã Đông Hưng, tranh đá Mỹ nghệ của Nghệ nhân Hàn Viết Thắng ở phường Nam Ngạn...

2.3.3. Ngành dịch vụ, thương mại đạt tốc độ tăng trưởng khá.

Dịch vụ - thương mại phát triển nhanh cả về quy mô, loại hình; chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng lên, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của thành phố. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân thời kỳ 2012-2019 ước đạt 13,3%; giá trị sản xuất ngành dịch vụ năm 2019 ước đạt 34.811 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010), tăng gấp 2,1 lần so với năm 2012 (tăng 18.272 tỷ đồng).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ bình quân thời kỳ 2012-2019 tăng 32,8%; năm 2019 gấp 7,1 lần năm 2012. Các mặt hàng có giá trị tiêu thụ cao như: đồ dùng gia đình, thực phẩm, đồ uống, may mặc, hàng điện máy; các khách sạn, trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị, các phố hàng, ngành hàng, như: khách sạn Central, Thiên Ý, Mường Thanh, siêu thị BigC, Coopmart, HC, siêu thị Xanh, Trung tâm mua sắm Vincom, chợ đầu mối Đông Hương... hoạt động ngày càng sôi động, phát huy hiệu quả đầu tư. Các ngành dịch vụ bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, vận tải, viễn thông, y tế, giáo dục,... có bước phát triển nhanh, giai đoạn 2016 - 2018 đã có thêm 16 ngân hàng và quỹ tín dụng mở chi nhánh giao dịch trên địa bàn; thành lập mới 10 trường tư thục các cấp.

Hoạt động xuất khẩu đạt kết quả cao, kim ngạch xuất khẩu bình quân ước tăng 23,5%; năm 2018 ước đạt 1.420 triệu USD, gấp gần 1,9 lần so với năm 2015 (mục tiêu đến năm 2020 đạt 1.500 triệu USD). Một số sản phẩm có giá trị xuất khẩu lớn như: quần áo các loại, giày vải, dép xốp, đá ốp lát, thủy sản (tôm, ngao, cá các loại) đều vượt kế hoạch và tăng so với cùng kỳ.

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực dịch vụ thương mại được tăng cường; hoạt động kinh doanh ngày càng văn minh, môi trường cạnh tranh lành mạnh. Thực hiện Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ,

quy trình chuyển đổi mô hình quản lý chợ của UBND tỉnh Thanh Hóa và Kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý chợ của thành phố; đến nay, trên địa bàn thành phố đã chuyển đổi 23/29 chợ, tổng vốn đầu tư xây dựng chợ sau chuyển đổi hơn 1.000 tỷ đồng; còn 06 chợ (có 05 chợ trên địa bàn các xã) dự kiến đến năm 2020 sẽ thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý cho doanh nghiệp quản lý, kinh doanh, khai thác.

Hoạt động du lịch diễn ra sôi động; hạ tầng du lịch được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại; chất lượng dịch vụ được nâng lên. Đến nay, trên địa bàn thành phố có 150 khách sạn và nhà nghỉ với tổng số 1.530 phòng (có 45 cơ sở đã được xếp hạng), cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ du khách. Giai đoạn 2016 - 2018, đã đón 4.750 nghìn lượt khách quốc tế và nội địa.

2.3.4. Thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo

- Về thu nhập: Để phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, thành phố đã tập trung các giải pháp, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển mọi lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ..., đặc biệt khai thác mọi tiềm năng, lợi thế so sánh để phát triển các ngành kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, từ đó nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Năm 2019, thu nhập bình quân đầu người 17 xã xây dựng NTM đạt 43,6 triệu đồng/năm, tăng gần gấp 2 lần năm 2012. Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn của thành phố cao hơn so với thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn của tỉnh; đồng thời, khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa khu vực nông thôn và thành thị của thành phố ngày càng được thu hẹp hơn so với toàn tỉnh và cả nước.

- Về tỷ lệ hộ nghèo: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng và các nhóm dân cư. Những năm qua, cấp ủy và chính quyền thành phố xác định công tác giảm nghèo bền vững là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng. Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững được thực hiện đồng bộ và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố, đã phát huy hiệu quả, có tác động hỗ trợ mạnh mẽ, giúp nhiều hộ nghèo thoát nghèo nhanh chóng nên tỷ lệ giảm nghèo của thành phố giảm đáng kể qua các năm. Năm 2012, sau khi sáp nhập các xã của 4 huyện Đông Sơn, Hoằng Hóa, Quảng Xương, Thiệu Hóa, hộ nghèo của thành phố tăng lên 4.611 hộ (tương đương tỉ lệ 5,3%), năm 2015 số hộ nghèo toàn thành phố còn 2.880 hộ (tương đương tỉ lệ 3,1%), đến cuối năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo bình quân toàn thành phố là 0,92% (920 hộ) đứng đầu toàn tỉnh về công tác giảm nghèo (tiêu biểu có 02 phường không còn hộ nghèo là: Phường Ba Đình và phường Điện Biên). Trong đó, tổng số hộ nghèo của 17 xã năm 2012 là 2.681 hộ với tỉ lệ bình quân là 9,17%, đến cuối năm 2018 tổng số hộ nghèo NTM (đã trừ số hộ nghèo

thuộc chính sách bảo trợ xã hội) là 189/31.994 hộ, chiếm tỷ lệ 0,59%. Đến nay, trên địa bàn 17 xã có tỷ lệ hộ nghèo đạt dưới 5%.

Để đạt được kết quả trên, cấp ủy, chính quyền từ thành phố đến cơ sở đã tập trung mọi nguồn lực xây dựng NTM, trong đó quan tâm, chú trọng đến công tác giảm nghèo, hỗ trợ các hộ nghèo phát triển sản xuất. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các mô hình, các chương trình để giảm nghèo, cụ thể: Sửa chữa và xây mới nhà cho 35 hộ nghèo với số tiền 1,176 tỷ đồng được huy động từ nhiều nguồn và từ Quỹ vì người nghèo. Các hộ nghèo, cận nghèo được hưởng các chế độ như cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, chính sách miễn, giảm học phí, hưởng bảo trợ xã hội, được hỗ trợ tiền điện... Đến nay, 17 xã đều đạt tiêu chí số 11 (hộ nghèo).

2.3.5. Lao động, việc làm

Xác định công tác giải quyết việc làm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, công tác giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động luôn được thành phố quan tâm thực hiện và đã đạt được những kết quả tích cực:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo của thành phố tăng từ 59% (năm 2012) lên 83,5% (tính đến tháng 6/2019).

- Giải quyết việc làm mới cho 174.413/172.634 lao động (đạt 101% kế hoạch giai đoạn từ 2012 đến tháng 6/2019); trong đó, có 3.244 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Đến nay, 37/37 phường, xã trên địa bàn thành phố đã có người tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo của các xã đạt trên 63%; tỷ lệ lao động có việc làm của các xã đạt trên 93%.

Những kết quả đạt được đã đáp ứng được một phần yêu cầu về việc làm và đời sống của người lao động, góp phần ổn định tình hình và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2.3.6. Về tổ chức sản xuất

Những năm qua, thành phố đã tập trung củng cố, đổi mới, nâng cao và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp. Cùng với phát triển mạnh kinh tế hộ, tăng cường chức năng quản lý Nhà nước của chính quyền cấp xã trong nông nghiệp, nông thôn, củng cố và chuyển đổi hoạt động của HTX theo Luật HTX năm 2012. Đến nay, toàn thành phố có 16 HTX DVNN đã chuyển đổi và hoạt động hiệu quả theo Luật HTX năm 2012, đạt 100%. Năm 2018, tổng doanh thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các HTX nông nghiệp trên địa bàn đạt 19,797 tỷ đồng, lợi nhuận bình quân của các HTX đạt 100 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân của người lao động làm việc thường xuyên trong HTX là hơn 1,45 triệu đồng/người/tháng. một số HTX DVNN hoạt động khá, tốt như HTX DV cơ giới hóa nông nghiệp Quảng Đông, HTX DVNN Quảng Phú....

2.3.7. Y tế

Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên; công tác y tế dự phòng được tăng cường, không để dịch bệnh bùng phát. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và hoạt động hiệu quả, năm 2012, có 06 đơn vị đạt tiêu chí quốc gia về

y tế xã. Năm 2018, có 37/37 đơn vị đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, tăng 31 phường, xã đạt tiêu chí so với năm 2012. Thực hiện tốt công tác quản lý hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn, giai đoạn 2016 - 2019 toàn thành phố có 701 cơ sở hành nghề y dược tư nhân, tăng 277 cơ sở so với giai đoạn 2012 - 2015. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giữ mức ổn định đạt 0,76%, đảm bảo kế hoạch đề ra; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi ước giảm còn 11%, giảm 2,8% so với năm 2015; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước thực hiện năm 2018 đạt 87%, sáu tháng đầu năm 2019 đạt 87,75%.

2.3.8. Văn hóa

Trong những năm qua, các hoạt động văn hóa, thông tin và tuyên truyền có nhiều đổi mới, đa dạng về hình thức, chất lượng không ngừng được nâng cao. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả thiết thực. Đến nay, 17/17 xã đã được công nhận “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”; 100% các thôn thực hiện tốt hương ước, quy ước. Năm 2019, thành phố đã rà soát chỉnh sửa, bổ sung và phê duyệt Hương ước, Quy ước cho 99/119 thôn. 100% các thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa, 12/17 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 86% hộ gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa”. Hầu hết các gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Công tác bảo tồn di sản và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc được quan tâm đẩy mạnh. Trên địa bàn thành phố hiện có 95 di tích lịch sử văn hóa (24 di tích cấp quốc gia; 71 di tích cấp tỉnh). Thành phố đã ban hành và triển khai Đề án “Khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị trò chơi, trò diễn dân gian trên địa bàn thành phố Thanh Hóa giai đoạn 2018 – 2020”; Đề án lập quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Hoạt động văn hóa, thể thao ngày càng phát triển. Nhiều đơn vị đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND thành phố tặng Bằng khen và Giấy khen như: xã Quảng Thịnh, Hoằng Đại, Thiệu Dương...

2.4.4. Về công tác môi trường và an toàn thực phẩm

Xác định môi trường là một trong những tiêu chí khó thực hiện, bởi tính “động”, tính bền vững không cao trong thực hiện chương trình xây dựng NTM. Nhận thức được tầm quan trọng, từ thành phố đến cơ sở đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp để tăng cường chỉ đạo có hiệu quả công tác bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. Trong đó, chú trọng các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và nâng cao nhận thức của người dân về tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM.

Căn cứ các Chương trình, nghị quyết và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh, Thành ủy, UBND thành phố đã ban hành Nghị quyết, Chương trình, đề án bảo vệ môi trường, các chương trình hành động, xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm để triển khai rộng khắp đến tất cả các đơn vị trên địa bàn thành phố như Chỉ thị số 08, 09, 10, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04, 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa.

Đồng thời, thành phố đã chỉ đạo MTTQ và các tổ chức đoàn thể tăng cường các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới bằng nhiều hình thức khác nhau như phổ biến trên hệ thống loa truyền thanh, lắp đặt pano, khẩu hiệu, tổ chức thực hiện các mô hình dân vận khéo: "*Trồng hoa thay thế cỏ dại ven đường*", "*Xây dựng bể thu gom bao bì thuốc BVTV trên các cánh đồng*", hưởng ứng các hoạt động kỷ niệm "*Ngày khí tượng thế giới*", "*Giờ trái đất*", "*Ngày nước thế giới*", "*Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường*", "*Ngày môi trường thế giới*". Thành phố phát động toàn dân tham gia công tác tổng vệ sinh môi trường, hàng tuần vào chiều chủ nhật như: quét dọn vệ sinh, trồng hoa, hàng rào xanh ở đường làng, ngõ xóm, công sở, trường học, khu vực công cộng,...., tạo nhận thức và trách nhiệm của người dân, của cộng đồng về xây dựng đô thị văn minh công dân thân thiện. Đến nay, tình hình môi trường của thành phố cơ bản được đảm bảo.

- Về nước hợp vệ sinh và nước sạch: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh của 17 xã là 31.722/31.722 hộ, đạt tỷ lệ 100% (tăng 14,05% so với năm 2012); trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch là 26.287/31.722 hộ đạt 82,9%. Trên địa bàn thành phố có 03 đơn vị cung cấp nước sạch tập trung (Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa - Chi nhánh thành phố, chi nhánh Đông Sơn, chi nhánh Hoằng Hóa), phục vụ nhu cầu nước sạch cho 35 phường, xã, còn lại 02 xã (Hoằng Quang và Hoằng Đại) nằm trong vùng quy hoạch cấp nước do Công ty Việt Thanh VNC cung cấp.

- Về tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh đảm bảo quy định về môi trường:

Trên địa bàn 17 xã có tổng 684 cơ sở sản xuất - kinh doanh, dịch vụ bao gồm các nhóm ngành nghề như: công nghiệp, xây dựng, vận tải, kho bãi, thương mại, dịch vụ... đều đạt các yêu cầu về BVMT, 100% cơ sở có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo các quy định. Trong đó: có 245 cơ sở đã lập hồ sơ bảo vệ môi trường, còn lại 339 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ không thuộc đối tượng lập hồ sơ BVMT, tuy nhiên các cơ sở này đều có cam kết về việc chấp hành các quy định về BVMT với UBND các xã (đạt 100%). Trong quá trình hoạt động, các cơ sở cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết trong hồ sơ môi trường, có thực hiện phân loại, thu gom và xử lý chất thải, nước thải và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đúng theo quy định.

100% các trạm y tế xã đều có hồ sơ môi trường, và có các công trình, biện pháp xử lý chất thải.

Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản: trên địa bàn thành phố chưa có cơ sở nuôi trồng thủy sản quy mô lớn, chủ yếu là quy mô hộ gia đình như nuôi quảng canh, thâm canh trong phạm vi đất của hộ, việc cải tạo ao hồ, thả giống đều tuân theo lịch thời vụ chính quyền địa phương ban hành.

Hàng năm, thành phố tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, vận động, hướng dẫn về công tác bảo vệ môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, các hộ nuôi trồng thủy sản: tổ chức hội nghị tuyên truyền trực tiếp đến từng xã, treo băng rôn, lồng ghép tuyên truyền qua các buổi tập huấn, các buổi hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng.

- Về xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn:

Cảnh quan môi trường, đường làng, ngõ xóm, khu dân cư được các xã quan tâm thực hiện. Thông qua chương trình xây dựng nông thôn mới và thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường do Trung ương, tỉnh phát động; UBND thành phố và UBND các phường, xã thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân về cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường.

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, cả hệ thống chính trị các cấp của thành phố đều ban hành kế hoạch hành động để cải thiện cảnh quan, môi trường, chỉnh trang đô thị... Phong trào trồng vệ sinh môi trường nông thôn định kỳ hàng tuần, hàng tháng được duy trì và đi vào nề nếp với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và đông đảo người dân (người dân trực tiếp tham gia trên 75%) với những hoạt động cụ thể như: trồng cây, trồng hoa, thu dọn rác thải, khơi thông cống rãnh, nạo vét kênh mương, nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, xây dựng được một số mô hình và tuyến đường hoa nổi bật do Hội phụ nữ xã, Đoàn Thanh niên hay Hội nông dân xã đảm nhận.

Hàng năm, các xã đều có kế hoạch phát động trồng cây xanh dọc các tuyến đường trên địa bàn các xã. Các địa điểm công cộng như: Trụ sở các cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa...đều được trồng cây xanh tạo bóng mát, trồng hoa tạo cảnh quan đảm bảo xanh, sạch, đẹp. Đa số các tuyến đường làng, ngõ xóm, đường liên thôn, liên xã đều đã được cứng hóa bằng bê tông hoặc giải đá cấp phối, có hệ thống rãnh thoát nước đảm bảo không bị lầy lội khi có mưa.

- Các nghĩa trang được xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt, có ban quản trang và nội quy sử dụng. Công tác mai táng, cát táng được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang. Thành phố đã vận động nhân dân nâng cao tỷ lệ hỏa táng thay cho hình thức hung táng truyền thống, góp phần đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn.

- Về công tác thu gom, xử lý chất thải rắn: 17/17 xã đã ký hợp đồng với các công ty vệ sinh môi trường (Công ty cổ phần Môi trường và đô thị Thanh Hóa, Hợp tác xã dịch vụ môi trường Tân Sơn) để thu gom, xử lý tại bãi rác tập trung của tỉnh ở xã Đông Nam để thu gom, xử lý rác thải với tần suất thu gom trung bình 02 ngày/lần. Đối với chất thải rắn từ sản xuất nông nghiệp, thực hiện xây dựng nông thôn mới, thành phố đã chỉ đạo các xã lắp đặt hơn 247 thùng chứa bao bì thuốc BVTV trên các cánh đồng. Bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng được lưu chứa tại các thùng đựng. Thành phố đang chỉ đạo các xã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng với các công ty có chức năng xử lý chất thải nguy hại. UBND các xã đã xây dựng quy chế thu gom vận chuyển vỏ bao bì thuốc BVTV qua sử dụng về nơi tập kết. Rác thải là phụ phẩm nông nghiệp (rơm rạ, phế phẩm trồng trọt, chăn nuôi) đa số

được người dân tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và làm phân bón phục vụ cho sản xuất, không có hiện tượng đốt rơm rạ ngoài đồng ruộng.

- Đối với nước thải khu dân cư tập trung trên địa bàn thành phố được các hộ gia đình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ bằng các bể tự hoại, bể thu gom hoặc bể lắng lọc trước khi đầu nối với mương tiêu thoát nước khu dân cư. Nước thải các cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý đúng theo cam kết trong hồ sơ môi trường được duyệt.

- Tổng 17 xã có 31.390/31.722 hộ (đạt tỷ lệ 98,95%) hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

- Toàn bộ 17 xã có 94 trang trại, gia trại, trong đó không có trang trại thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và 19 trang trại thuộc đối tượng lập Kế hoạch BVMT hoặc tương đương đã được Chủ tịch UBND thành phố xác nhận, còn lại là hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. Các gia trại, hộ chăn nuôi đều được xây dựng theo đúng quy chuẩn BVMT, nằm cách biệt với khu dân cư, được xây dựng hầm biogas hoặc các bể lắng lọc xử lý nước thải, đối với phân thải được xử lý bằng các nhà ủ phân tách biệt chuồng nuôi, sử dụng chế phẩm sinh học, kết hợp rác thải hữu cơ được phân loại tại nguồn để làm phân bón phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường là đạt tỷ lệ 95%.

- Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được quan tâm chỉ đạo. Các phường, xã đã tổ chức lễ phát động tháng hành động về ATTP, buổi nói chuyện, tin bài phát thanh trên hệ thống truyền thanh của xã, băng zôn và phát tờ rơi về vệ sinh ATTP vào các dịp cao điểm; tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về vệ sinh ATTP cho 1.500 học viên. 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố tuân thủ các quy định về đảm bảo vệ sinh ATTP và chấp hành tốt, cam kết không gây ô nhiễm môi trường;

Đến nay, có 03/17 xã được công nhận xã đạt tiêu chí vệ sinh an toàn thực phẩm; phấn đấu đến hết năm 2019 có 100% phường, xã được công nhận xã đảm bảo an toàn thực phẩm.

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và giữ gìn an ninh, trật tự xã hội

2.5.1. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh

Trong những năm qua thành phố đã chỉ đạo quyết liệt công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp, các ngành, đáp ứng yêu cầu thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đảng về công tác tổ chức, cán bộ; Xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 04/NQ-TU của Tỉnh ủy về tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ và đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ. Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch cán bộ; gắn quy hoạch với việc đào tạo nâng cao trình độ, chuẩn hóa đội ngũ và luân chuyển cán bộ. Phát triển đảng viên mới được quan tâm cả về số lượng và chất lượng; chú trọng phát triển đảng viên khu vực nông thôn, vùng đồng bào theo đạo. Thực hiện Đề án luân chuyển cán bộ chủ

chốt, đã điều động và bổ nhiệm 96 cán bộ; bổ nhiệm lại 20 cán bộ trưởng, phó các phòng, ban, đoàn thể; luân chuyển 13 cán bộ từ thành phố về các phường, xã đảm nhận các chức danh chủ chốt; chỉ định 216 cấp ủy viên, 67 Bí thư, phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND, UBND; tiếp tục thực hiện thí điểm mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND tại một số phường, xã. Quá trình thực hiện công tác cán bộ đã củng cố tổ chức, bộ máy, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, tình hình kinh tế - xã hội có bước phát triển, nhân dân đồng tình ủng hộ và đánh giá cao.

- Tập trung chỉ đạo đổi mới công tác bố trí sắp xếp cán bộ cơ sở, thực hiện Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy hoặc Chủ tịch UBND các phường, xã không phải người địa phương. Huy động và phát huy vai trò cán bộ là Bí thư, Trưởng phó, thôn, Trưởng ban công tác mặt trận tại phố, thôn vào thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Chăm lo đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, chính sách sử dụng và quản lý cán bộ, chính sách đảm bảo lợi ích và động viên tinh thần cán bộ; trong đó 45 cán bộ học cao cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận, 14 cán bộ học thạc sỹ, 17/17 xã có đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định, bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

- 100% các xã có Đảng bộ được cấp ủy, chính quyền thành phố đánh giá đạt “*Trong sạch, vững mạnh*”, các tổ chức chính trị được đánh giá, xếp loại “*Khá*” trở lên.

- Về xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: bắt đầu thực hiện từ đầu năm 2017 thành phố đã tập trung chỉ đạo các xã xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho nhân dân. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật được tổ chức thường xuyên, liên tục thông qua các hội nghị, các cuộc họp dân, trên hệ thống truyền thanh.....Đến thời điểm hiện tại, 100% các xã đạt chuẩn theo quy định.

- Công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được cấp ủy Đảng, chính quyền thành phố, xã đã quan tâm, thực hiện; đến nay, thành phố có 02/17 xã có nữ giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã, 15/17 xã có tỷ lệ cấp ủy viên nữ đạt trên 15%; 100% xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ chương trình, không phát hiện các trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình.

2.5.2. Công tác quốc phòng - an ninh

Xác định đảm bảo giữ vững ổn định, vững chắc về an ninh quốc phòng là môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm qua, Thành ủy, UBND thành phố Thanh Hóa đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác ANQP. Hằng năm, Thành ủy có Nghị quyết chuyên đề về công tác ANQP và ban hành nhiều Chỉ thị chỉ đạo đẩy mạnh công tác đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ; điển hình như: Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 29/9/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo ANTT-ATGT; Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 04/7/2012 về tăng cường sự lãnh đạo

của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng chống ma túy; Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 23/4/2013 về phát động toàn dân tham gia phòng chống tội phạm trộm cắp; Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 06/8/2014 về nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, ý thức cộng đồng trong cán bộ, đảng viên và người dân thành phố.

UBND thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Ban thường vụ Thành ủy. Công an thành phố ban hành hàng trăm kế hoạch, phương án về công tác công an, trong đó, nổi bật là các kế hoạch, phương án đấu tranh, triệt xóa tội phạm hình sự hoạt động băng, ổ nhóm, hoạt động tín dụng đen trên địa bàn.

Trong những năm qua, tình hình ANTT trên địa bàn 17 xã nói riêng và thành phố chung luôn được giữ vững ổn định, không có điểm nóng, không xảy ra đột xuất, bất ngờ, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Tỷ lệ xã, thôn, xóm, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT ngày càng cao (năm 2018: 112/119 thôn, đạt 94,1%; 102/107 cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường, đạt 95,3%; 17/17 xã, đạt 100% tiêu chuẩn an toàn về ANTT), không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật; cụ thể:

- Về các vụ việc khiếu kiện, tập trung đông người: Năm 2016, xảy ra vụ việc các hộ dân thuộc thôn Đa Sỹ, xã Đông Vinh tập trung đông người trước công nhà máy phân bón Sao Nông (thôn Đa Sỹ, xã Đông Vinh) để phản đối nhà máy gây ô nhiễm môi trường. Với sự tham mưu và vào cuộc kịp thời của Thành ủy, UBND thành phố, ngày 24/3/2016, Chủ tịch UBND tỉnh có Thông báo kết luận số 47/TB-UBND yêu cầu nhà máy dừng hoạt động và di dời đi nơi khác, tình hình nhân dân ổn định. Năm 2017, 2018 và những tháng đầu năm 2019, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện phức tạp, kéo dài, vượt cấp.

- Về trật tự xã hội: Các tụ điểm phức tạp về hình sự, ma túy cơ bản đã được triệt xóa và không để tái hoạt động trở lại. Tình hình hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm liền kề trước¹³; đã tập trung đấu tranh có hiệu quả với tội phạm ma túy¹⁴; quản lý chặt chẽ đối tượng nghiện, không để phát sinh thêm người nghiện mới và giảm dần số người nghiện hiện có¹⁵.

Về cơ cấu tổ chức của Công an thành phố: Biên chế đảm bảo đúng quy định gồm 876 đồng chí ở 16 Đội nghiệp vụ và 20 Công an phường. Trong những năm qua, Công an thành phố luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trong 10 năm qua, CATP được tặng 01 Huân chương chiến công hạng 3 và nhiều Bằng khen, Giấy khen, 3 năm được tặng Cờ thi đua của Bộ

¹³ So sánh số liệu các vụ PPHS của 17 xã/toàn thành phố từng năm như sau: năm 2012, xảy ra 192/709 vụ, năm 2013 xảy ra 163/758 vụ; năm 2014 xảy ra 159/749; năm 2015: 152/697; năm 2016: 135/591; năm 2017: 134/506; năm 2018: 110/459; 6 tháng đầu năm 2019 xảy ra: 41/...).

¹⁴ Năm 2013, bắt xử lý 121 vụ, 141 đối tượng mua bán, tàng trữ, vận chuyển, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; năm 2014: 156 vụ, 194 đối tượng; năm 2015: 116 vụ, 135 đối tượng; năm 2016: 126 vụ, 145 đối tượng; năm 2017: 102 vụ, 165 đối tượng; năm 2018: 148 vụ, 208 đối tượng.

¹⁵ So sánh số liệu người nghiện trên địa bàn 17 xã/tổng số người nghiện toàn thành phố: năm 2012 có 297/1.541, đến nay có 236/1.475 người nghiện.

Công an, 9 năm liên tục được tặng danh hiệu Đơn vị quyết thắng (riêng năm 2018, HTNV).

Lực lượng Công an xã: luôn được quan tâm củng cố, kiện toàn đảm bảo đúng quy định của Pháp lệnh Công an xã, thường xuyên tổ chức huấn luyện, nâng cao trình độ nghiệp vụ, năng lực công tác và chiến đấu cho lực lượng Công an xã. Hàng năm, 100% Công an xã đạt danh hiệu Đơn vị tiên tiến, có từ 2 đến 3 đơn vị đạt danh hiệu Đơn vị quyết thắng.

Lực lượng quân sự thành phố: Hoàn thành chỉ tiêu giao tuyển quân hàng năm, đã xét tuyển và bàn giao 565 thanh niên cho các đơn vị nhận quân, bảo đảm chất lượng và chỉ tiêu được giao. Chỉ đạo tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ thành phố và thực hiện diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, phường cụm 3, cụm 5. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, điều động 11.626 lượt sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ, chiến sỹ dân quân phối hợp với lực lượng Công an bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông trong các dịp lễ, tết và các sự kiện quan trọng của tỉnh và thành phố. Hàng năm, Ban Chỉ huy quân sự thành phố luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhiều Bằng khen, Giấy khen và các phần thưởng cao quý khác. Lực lượng Dân quân tự vệ có đủ số lượng, cơ cấu thành phần, tỉ lệ hợp lý, chất lượng ngày càng được nâng cao.

2.6. Kết quả duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã NTM

Đối với các xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2013-2016, BCD xây dựng NTM thành phố đã yêu cầu BCD các xã rà soát, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, nâng cao chất lượng tiêu chí, đặc biệt là tiêu chí Giao thông cần phải thực hiện theo yêu cầu tiêu chí theo Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND. Đến nay, 05/05 xã đều duy trì và cơ bản đạt chuẩn theo bộ tiêu chí mới của UBND tỉnh Thanh Hóa, chất lượng của các tiêu chí được nâng lên rõ rệt so với thời điểm xét công nhận đạt chuẩn, như: Đầu tư mở rộng đường 192 xã Quảng Tâm, Đường điện chiếu sáng công cộng và nhà văn hóa và khu thể thao xã Quảng Thịnh, Hệ thống trường học của các xã Quảng Tâm, Thiệu Dương....

12 xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2017-2018, các tiêu chí cơ bản được nâng cao về chất lượng, đảm bảo yêu cầu tiêu chí xã NTM giai đoạn 2017-2020.

V. Tình hình nợ xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về việc không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM. Tính đến 30/6/2019, thành phố đã có kế hoạch bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành các công trình xây dựng NTM; cụ thể:

+ Nợ đọng xây dựng cơ bản dự án hoàn thành có khối lượng nghiệm thu đến ngày 31/12/2014 là 0 đồng;

+ Nợ đọng xây dựng cơ bản của dự án hoàn thành có khối lượng nghiệm thu sau ngày 31/12/2014 đến 30/6/2019 là: 103.431 triệu đồng.

- Kinh phí chưa thanh toán so với khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM sau ngày 31/12/2014 đến 30/6/2019 là 103.431 triệu đồng, trong đó, các dự án cấp thành

phổ là 0 triệu đồng, dự án do UBND xã làm chủ đầu tư là 103.431 triệu đồng. Tuy nhiên, đây là những công trình được đầu tư từ năm 2019 trở về trước, trong kế hoạch đầu tư công của thành phố, xã năm 2019 đã bố trí 100% kế hoạch vốn thanh toán cho các công trình. Do đó, nợ xây dựng cơ bản trên địa bàn thành phố là 0 đồng¹⁶.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

Sau gần 7 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, cơ sở hạ tầng nông thôn thành phố đã thay đổi nhanh chóng, toàn diện, tạo tiền đề cho khu vực nông nghiệp nông thôn ở thành phố Thanh Hóa phát triển về mọi mặt, rút ngắn khoảng cách giữa đô thị với nông thôn, thành phố đã có 17/17 xã đạt chuẩn NTM và thành phố hoàn thành nông thôn mới. Một số kết quả nổi bật như sau:

- Kinh tế phát triển tích cực, cơ cấu giá trị sản xuất của thành phố chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân trên địa bàn thành phố thời kỳ 2012-2019 đạt 14,4%.

- Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng tập trung, liên kết sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo an toàn thực phẩm ngày càng hiệu quả; xuất hiện nhiều mô hình kinh tế có hiệu quả cao; đặc biệt, nhận thức của người nông dân đã từng bước chuyển sang tư duy sản xuất hàng hóa.

- Quy mô, chất lượng giáo dục - đào tạo không ngừng được nâng cao; chất lượng giáo dục luôn nằm trong tốp đầu của toàn tỉnh.

- Thu nhập của người dân được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, chất lượng an sinh xã hội được nâng lên rõ rệt.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư đồng bộ theo quy mô lên phường và ngày càng hoàn thiện; giao thông, thủy lợi đáp ứng yêu cầu đi lại thuận tiện và thuận lợi cho sản xuất; trường, trạm, nhà văn hóa các thôn được đầu tư xây dựng khang trang, chợ nông thôn được xây mới và chuyển đổi mô hình quản lý, sửa sang đáp ứng nhu cầu giao thương, buôn bán của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế.

- Công tác xây dựng Đảng, Chính quyền, Đoàn thể vững mạnh; công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ luôn được quan tâm; công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng được duy trì.

- Tình hình quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được duy trì ổn định.

Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhất là đã làm thay đổi nhận thức của cán bộ và người dân về xây

¹⁶ Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2019 của UBND thành phố Thanh Hóa.

dựng nông thôn mới. Người dân ngày càng tin tưởng vào chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, chủ động, tích cực tham gia với nhiều cách làm sáng tạo, vừa làm giàu cho bản thân vừa đóng góp xây dựng phát triển kinh tế địa phương, góp phần đưa thành phố Thanh Hóa hoàn thành xây dựng nông thôn mới vào năm 2019, sớm trước 01 năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2015-2020.

2. Hạn chế

- Nguồn vốn huy động cho Chương trình MTQG xây dựng NTM lớn, nhất là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; trong khi việc kêu gọi, huy động thu hút nguồn vốn đầu tư của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân cùng tham gia góp vốn đầu tư thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM còn hạn chế. Nguồn vốn để các xã xây dựng NTM chủ yếu dựa vào nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tuy nhiên một số xã của thành phố không nằm trong danh sách các xã phân đấu hoàn thành NTM trong giai đoạn 2016-2020 nên không được hưởng cơ chế tỷ lệ phân chia đấu giá quyền sử dụng đất theo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Ngoài ra, để thu được tiền sử dụng đất phải thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các MBQH, quy trình đấu giá theo quy định của pháp luật nên thời gian tính từ khi đầu tư đến khi thu tiền sử dụng đất mất nhiều thời gian, nhiều xã không kịp thời huy động từ nguồn thu này dẫn đến tiến độ hoàn thành các tiêu chí liên quan đầu tư cơ sở vật chất nông thôn mới khó khăn.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, các địa phương mới chỉ tập trung vào nâng cao cơ sở hạ tầng mà chưa chú trọng công tác phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Công tác vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm đã được quan tâm chú trọng, tuy nhiên kết quả chưa cao, còn thiếu bền vững.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số xã có thời điểm chưa quyết liệt, công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội và nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới còn chưa sâu sát nên nhiều mô hình điển hình tiên tiến trong sản xuất; trong hiến đất, góp tiền, đóng góp công sức xây dựng các công trình ở thôn, xóm, khu dân cư chậm nhân rộng.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

3.1. Nguyên nhân của các kết quả đạt được

- Chương trình MTQG xây dựng NTM là chủ trương lớn, đúng đắn, hợp lòng dân nên khi triển khai đã tạo được sự đồng thuận cao, sức lan tỏa lớn, thiết thực, sớm đi vào cuộc sống.

- Ngoài cơ chế của Trung ương, của tỉnh, thành phố có nhiều giải pháp khuyến khích mang lại hiệu quả cao để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là thành phố đã hỗ trợ có mục tiêu cho các xã đăng ký đạt chuẩn NTM được hưởng đủ 100% phần kinh phí của thành phố và xã từ đấu giá quyền sử dụng đất.

- Có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đoàn kết, nỗ lực của nhân dân; sự chỉ đạo sáng suốt của

BCĐ xây dựng NTM, cụ thể như: việc điều động, luân chuyển cán bộ chủ chốt ở các xã; phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong từng giai đoạn thực hiện NTM; thành lập các Tổ công tác chỉ đạo do đồng chí Chủ tịch UBND thành phố, các đồng chí phó Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng, phó phòng và chuyên viên các phòng ban của thành phố trực tiếp chỉ đạo các xã trên địa bàn thành phố.

- Công tác tuyên truyền thường xuyên, liên tục, hiệu quả, từ đó đã nâng cao nhận thức, hiểu biết của nhân dân cũng như tạo được khí thế, phong trào thi đua xây dựng NTM.

3.2. Nguyên nhân hạn chế

- Thành phố không tiếp cận Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ đầu mà triển khai nối tiếp trên cơ sở của các xã sáp nhập về thành phố nên bước đầu triển khai còn nhiều lúng túng, vướng mắc; quy hoạch xây dựng nông thôn được lập tại các huyện và do UBND các huyện phê duyệt chưa phù hợp với điều kiện chung về phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Thanh Hóa.

- Xuất phát điểm của các xã còn thấp, khối lượng công việc để được công nhận đạt chuẩn nhiều, trong thực hiện phải vừa làm vừa nghiên cứu rút kinh nghiệm, bổ sung. Đặc biệt, nguồn vốn đầu tư ngân sách cho Chương trình MTQG xây dựng NTM còn thấp, trong khi khả năng đóng góp của nhân dân hạn chế, nhất là ở các xã có điểm xuất phát thấp.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, thành phố có nhiều xáo trộn về công tác tổ chức chính quyền (thay đổi về chức danh Chủ tịch UBND thành phố).

- Sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền một số xã có thời điểm chưa quyết liệt; một số đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở hoạt động còn mang tính hình thức, nội dung đơn điệu, chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm trong tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, cơ chế hỗ trợ của Nhà nước để xây dựng NTM.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành còn thiếu kịp thời, chặt chẽ, nhất là thời kỳ đầu triển khai chương trình. Một số xã, đơn vị chưa đặt rõ nhiệm vụ thực hiện tiêu chí NTM của mình là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn xã hội từ trung ương đến xã.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân về xây dựng NTM còn hạn chế, vẫn còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước.

- Các Nghị quyết, cơ chế hỗ trợ nhiều nhưng chưa được sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để điều chỉnh nên tác động không rõ nét.

3.3. Bài học kinh nghiệm

Sau hơn 7 năm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn; BCĐ chương trình MTQG xây dựng NTM thành phố rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, để thực hiện chương trình xây dựng NTM đạt kết quả tốt phải có quyết tâm chính trị cao, có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát, liên tục của các cấp ủy, chính quyền, nhất là nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp và của Ban chỉ đạo để huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc cùng với sự quan tâm của toàn xã hội mà chủ thể là người dân có ý nghĩa quan trọng dẫn dắt và thúc đẩy thực hiện Chương trình; xác định xây dựng NTM là lấy người dân là chủ thể, phải thực hiện được “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ*”.

Hai là, tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng tới mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu đúng, hiểu sâu về chủ trương, ý nghĩa, mục đích chương trình xây dựng NTM, để phát huy tính chủ động và sáng tạo của người dân. Nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, thực sự quan tâm tới lợi ích thiết thực của dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung, quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình NTM ở địa phương, coi đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó, người dân là chủ thể trực tiếp, từ đó tạo được sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân.

Ba là, làm tốt công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đối với đội ngũ cán bộ các cấp, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo xã, thôn để nâng cao trình độ, năng lực tổ chức, nhiệt tình, sáng tạo vận động nhân dân thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM.

Bốn là, tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, phát huy tinh thần sáng tạo của nhân dân, khuyến khích, huy động tối đa sự hỗ trợ, đóng góp của doanh nghiệp, cá nhân tạo nguồn lực thực hiện xây dựng NTM; thường xuyên thực hiện cuộc vận động “Toàn dân chung sức xây dựng NTM” để khích lệ mọi tầng lớp nhân dân tham gia hiến đất, tài sản và đóng góp công sức, kinh phí... xây dựng NTM.

Năm là, trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có kế hoạch, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ đề ra để có sự điều chỉnh và có giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; làm tốt công tác thi đua, khen thưởng để động viên kịp thời các địa phương làm tốt, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho Chương trình.

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NTM

1. Quan điểm

Đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu tiếp tục nâng cao các tiêu chí nông thôn mới, định hướng phát triển thành lập phường; trước mắt tổ chức sản xuất hợp lý theo chuỗi giá trị, nhất là sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, áp dụng công nghệ cao vào sản xuất; gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh được giữ vững; nhân dân được thụ hưởng đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cao hơn hẳn so với tiêu chí NTM.

2. Mục tiêu đến năm 2020

- Thành phố Thanh Hóa phấn đấu có 13/17 xã lên phường, có 01 xã được công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao¹⁷. Xây dựng nông thôn mới nâng cao với từng bước đô thị hóa các xã ngoại thành, huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án cho xây dựng nông thôn mới nâng cao với xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, đủ tiêu chí lên phường, tránh lãng phí trong đầu tư.

- Phát huy tiềm năng lợi thế, phát triển năng động, duy trì tốc độ phát triển nhanh; tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch gắn với xây dựng đô thị văn minh, hiện đại, thân thiện môi trường, giàu bản sắc văn hóa, phát huy giá trị các di tích văn hóa, lịch sử và điều kiện tự nhiên, cảnh quan sinh thái. Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt từ 18,5% trở lên; trong đó: dịch vụ tăng 18,9%, công nghiệp - xây dựng tăng 19,1%, nông, lâm, thủy sản tăng 4,9%; cơ cấu các ngành kinh tế trong giá trị sản xuất chuyển dịch đúng hướng: ngành dịch vụ 32,3%; công nghiệp - xây dựng 64,8%; nông, lâm, thủy sản 3,0%.

- Từng bước nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân; phấn đấu đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người đạt trên 115 triệu đồng/người/năm và không còn hộ nghèo.

3. Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

3.1. Về quy hoạch:

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý và thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt. Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Thanh Hóa đến năm 2035, định hướng đến năm 2050. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch chung xây dựng thành phố, tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch khu vực phát triển đô thị, tụ điểm kinh tế, lập quy hoạch bổ sung các cụm công nghiệp, cụm nghề đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ giữa các quy hoạch và nhu cầu thực tế địa phương.

Quan tâm đầu tư quy hoạch phát triển nông thôn các xã ngoại thị nhằm giảm khoảng cách phát triển giữa khu vực nội thị và các xã ngoại thị. Nghiên cứu tính toán kỹ lưỡng quá trình thu hồi đất phát triển đô thị, quỹ đất sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn mới, xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu lao động nông nghiệp hiện nay sang các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ để đảm bảo thu nhập và việc làm trong tương lai.

3.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội

3.2.1. Giao thông

Xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông đối ngoại, giao thông đô thị và nâng cấp giao thông nông thôn, kết hợp đường bộ, đường thủy và đường sắt phục

¹⁷ Phấn đấu đến năm 2020 có 13 xã lên phường bao gồm: Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Thịnh, Quảng Tâm, Quảng Cát, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Đông Tân, Đông Lĩnh, Đông Hưng, Hoàng Lý, Hoàng Long, Hoàng Anh; 01 đạt chuẩn NTM nâng cao: xã Hoàng Đại.

vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới. Tổ chức các tuyến đường ngoại thị nối liền hệ thống các điểm dân cư tập trung với các trục đường chính tạo thành mạng lưới đường bộ liên hoàn hợp lý, thống nhất. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực, nhất là huy động nội lực trong cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông liên xã, một số tuyến quan trọng trên địa bàn các xã có lộ trình lên phường và xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng đảm bảo đạt chuẩn về mặt đường, nền đường đối với từng tuyến đường

Hoàn thiện hệ thống biển báo giao thông, thực hiện nghiêm công tác quản lý tải trọng tại các tuyến đường; tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức, chấp hành Luật Giao thông đường bộ, không vi phạm hành lang an toàn giao thông, tạo ra nét đẹp văn hóa trong tham gia giao thông.

3.2.2. Thủy lợi: Tiếp tục làm tốt công tác duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi, nâng cấp, sửa chữa các công trình đã xuống cấp nhằm đảm bảo tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động năm sau không được thấp hơn năm trước để đáp ứng được yêu cầu tưới, tiêu phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM. Thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ công trình; xây dựng kế hoạch tưới, tiêu khoa học, tiết kiệm đảm bảo 100% diện tích sản xuất nông nghiệp và dân sinh và phòng chống thiên tai trên địa bàn.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn; đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi đủ sức ứng phó với thiên tai tại chỗ, đảm bảo an toàn đê điều và phòng chống úng, bảo vệ sản xuất nông nghiệp.

3.2.3. Trường học

Tiếp tục duy trì, giữ vững đạt chuẩn và nâng cao chất lượng đạt chuẩn tại tất cả các trường học trên địa bàn thành phố. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong xã hội hóa giáo dục để đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị đồ dùng học tập đảm bảo giữ chuẩn và nâng chuẩn quốc gia lên mức độ 2.

Tiếp tục huy động các nguồn vốn hợp pháp để nâng cấp, sửa chữa, bổ sung các cơ sở vật chất, các trang thiết bị, đồ dùng dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa cho 100% các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; phấn đấu thành phố Thanh Hóa trở thành trung tâm giáo dục của khu vực.

Không ngừng nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, chất lượng giáo dục toàn diện; giáo dục mũi nhọn, tập trung đổi mới giáo dục theo hướng mở nhằm đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời, đa dạng hóa các loại hình trường lớp và các hình thức học tập.

3.2.4. Cơ sở vật chất văn hóa

Tiếp tục chú trọng bổ sung, nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo quy định; đổi mới nội dung, phương thức hoạt

động đa dạng, phong phú, hấp dẫn; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở gắn với mở rộng dịch vụ và thị trường.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về văn hóa và nhiệm vụ phát triển văn hóa gắn liền với phát triển kinh tế, ổn định chính trị, an sinh xã hội. Phát huy tính chủ động, tích cực, nỗ lực của người dân và vai trò tự quản của cộng đồng đối với sự nghiệp gìn giữ và phát triển văn hóa.

3.2.5. Chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng thương mại, trong đó chú trọng đến đầu tư cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo hướng xã hội hóa, văn minh thương mại và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu tiêu dùng của nhân dân; đồng thời tập trung đầu tư, nâng cấp các chợ hiện trạng, các chợ trong quy hoạch đặc biệt là các chợ tại khu vực nông thôn. Khuyến khích đầu tư xây dựng các khu trung tâm thương mại, dịch vụ, siêu thị mini, cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn thúc đẩy các hoạt động thương mại trên địa bàn các xã nâng cao tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

3.3. Kinh tế và tổ chức sản xuất

- Triển khai và thực hiện có hiệu quả đề án tích tụ ruộng đất, đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tiếp tục quy hoạch, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa; xây dựng các cơ chế để khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào sản xuất nông nghiệp; xây dựng và phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của địa phương: lúa, ớt xuất khẩu, thịt lợn hữu cơ, cây ăn quả, hoa cây cảnh..... Dựa trên lợi thế so sánh, đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) trên địa bàn; phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của người dân nhằm giảm nghèo bền vững, phấn đấu đến năm 2020 thành phố không còn hộ nghèo.

- Tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp sạch gắn với du lịch sinh thái theo Đề án du lịch đồng quê, du lịch trải nghiệm đã được thành phố phê duyệt, coi đây là lợi thế của xã xây dựng nông thôn mới nâng cao so với các phường trong nội thị.

3.4. Văn hóa, xã hội, môi trường

3.4.1. Văn hóa

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các thôn, xóm để phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Tăng cường công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với đời sống tinh thần của người dân. Triển khai có hiệu quả Đề án “*Khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị trò*

chơi, trò diễn dân gian trên địa bàn thành phố Thanh Hóa giai đoạn 2018 – 2020” để bảo tồn các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương.

3.4.2. Giáo dục và đào tạo:

Quan tâm, chú trọng nâng cao chất lượng công tác dạy và học ở các cấp học. Duy trì đạt chuẩn phổ cập cho trẻ mầm non 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở ở các phường, xã. Nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề.

3.4.3. Y tế

- Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân: đến năm 2020 đạt tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 90% dân số.

- Duy trì và nâng cao các tiêu chí trong xây dựng tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Bệnh viện Đa khoa thành phố nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, Trung tâm Y tế đạt chuẩn quốc gia; đảm bảo công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

3.4.4. Môi trường và an toàn thực phẩm

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và lắp đặt hệ thống nước sạch ở 2 xã còn lại là Hoàng Quang và Hoàng Đại để phủ kín việc cấp nước sạch trên địa bàn thành phố. Đến năm 2020, tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân số được dùng nước sạch đạt trên 95%.

- Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”; đưa tiêu chí nước sạch, vệ sinh môi trường vào hương ước, quy ước, coi đây là một tiêu chuẩn thi đua, là tiêu chí xây dựng làng văn hóa, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa.

- Duy trì phong trào ra quân tổng vệ sinh môi trường tại các cơ quan, đơn vị, trường học và các phường, xã ít nhất 01 lần/tuần vào chiều thứ 6 hàng tuần đối với các cơ quan, đơn vị, trường học và chủ nhật hàng tuần đối với các phường, xã; trong đó lực lượng nòng cốt tham gia là hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ và Đoàn thanh niên.

- Tuyên truyền, nhân rộng mô hình phân loại, xử lý rác thải hữu cơ ngay tại hộ gia đình, tái sử dụng chất thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên và giám sát khối lượng rác thải đưa về bãi tập kết rác thải tập trung để xử lý.

3.5. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ. Xây dựng Đảng bộ, chính quyền đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”, các tổ chức đoàn thể chính trị đạt danh hiệu tiên tiến trở lên. Phần đầu Đảng bộ, chính quyền các xã đạt danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Hàng năm, có trên 20% tổ chức, cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

- Tăng cường hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đảm bảo an ninh, trật tự nông thôn luôn được duy trì, giữ vững.

4. Một số giải pháp nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng NTM

4.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền xây dựng NTM nâng cao bền vững tới cấp ủy, chính quyền, người dân và sự quan tâm của toàn xã hội

Tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền các cấp với các đoàn thể chính trị - xã hội trong tổ chức tuyên truyền, vận động tới từng cộng đồng, hộ dân, tạo điều kiện để nhân dân phát huy vai trò chủ thể của mình tham gia bàn bạc, thực hiện và giám sát thực hiện các nội dung chung; hướng dẫn nhân dân thực hiện các nhiệm vụ của từng cộng đồng, từng hộ gia đình. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch; tạo điều kiện để người dân thực sự là chủ thể thực hiện Chương trình. Đồng thời, đẩy mạnh phong trào “*Thành phố Thanh Hóa chung sức xây dựng NTM nâng cao*”, tạo sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội nhằm biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong xây dựng NTM, tạo sự lan toả lớn trong nhân dân, cộng đồng, xã hội.

4.2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể từ thành phố đến cơ sở

Tổ chức Đảng thực sự là nòng cốt lãnh đạo xây dựng NTM. Chính quyền triển khai thực hiện cơ chế chính sách, pháp luật chặt chẽ hiệu quả. Mặt trận Tổ quốc tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” gắn với xây dựng NTM nâng cao; mỗi đoàn thể đảm nhận một số tiêu chí hoặc chỉ tiêu phù hợp với tôn chỉ, mục đích để vận động hội viên thực hiện có kết quả cụ thể.

Các thành viên BCD chương trình XD NTM thành phố, các ban, ngành, đoàn thể thành phố có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được BCD phân công, tăng cường bám sát cơ sở để kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn và chỉ đạo việc thực hiện công tác xây dựng NTM bền vững ở các đơn vị. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo mọi điều kiện cho các xã, thành phố nâng cao chất lượng tiêu chí NTM và hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

4.3. Phát triển kinh tế nhằm nâng cao thu nhập cho người dân

Tiếp tục đa dạng hoá các nguồn vốn để thực hiện Chương trình xây dựng NTM nâng cao theo hướng xã hội hoá; huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn; tăng cường các hình thức hợp tác công tư và xã hội hoá để thu hút đầu tư vào bảo vệ và xử lý môi trường, giao thông, hạ tầng thương mại, cung cấp nước sạch, dịch vụ văn hoá - thể thao; công khai các khoản đóng góp của dân theo nguyên tắc tự nguyện góp phần phát triển kinh tế một cách bền vững.

Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, giai đoạn 2015-2020, trong đó chú trọng đến công tác xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm

chủ lực, xác định đầu ra ổn định, hình thành các vùng sản xuất tập trung; ưu tiên thúc đẩy hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nhất là sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn và theo hướng hữu cơ ở những nơi có điều kiện, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh tế nông thôn để tăng thu nhập người dân nông thôn một cách bền vững.

Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Đề án “*Chương trình mỗi xã một sản phẩm*” giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2030, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, mang tính đặc trưng, lợi thế của mỗi địa phương.

Tích cực đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX theo Luật năm 2012, tổ chức thành lập các HTX kiểu mới làm ăn hiệu quả tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp như hỗ trợ nông dân vay vốn, hỗ trợ đầu tư cơ giới hóa, tiếp tục hoàn thiện hệ thống thủy lợi. Đẩy mạnh việc chuyên giao khoa học kỹ thuật cho nông dân, xúc tiến tìm kiếm thị trường cho các hộ nông dân và doanh nghiệp tại các địa phương phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa...Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với các hộ nông dân trong tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

4.4. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa xã hội; tăng cường đảm bảo an ninh trật tự; tiếp tục xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá và giữ gìn an ninh trật tự: Gắn xây dựng NTM với Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; khuyến khích và thường xuyên tổ chức các hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội thu hút số lượng lớn người dân tham gia; tổ chức các hoạt động phát triển cộng đồng ở các thôn, xóm nhằm phát huy và bảo tồn những giá trị truyền thống tốt đẹp; xây dựng và thực hiện hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; tiếp tục phát huy và nhân rộng các mô hình cụm liên kết về an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả như “*Tổ tự quản về an toàn giao thông*”, “*Tổ phòng chống tội phạm*”, “*Tổ an ninh, hoà giải*” góp phần đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội để thực sự tạo ra NTM bình yên.

Thực hiện xã hội hóa mạnh mẽ các hoạt động văn hóa, thể thao, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân, hình thành nếp sống văn hóa, văn minh trong việc cưới, việc tang ở nông thôn, cũng như quản lý tốt các lễ hội,... Giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển sản xuất, xây dựng NTM bền vững.

4.5. Xây dựng kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM

Xây dựng NTM là chương trình mang tính chiến lược lâu dài, những kết quả đạt được đến nay là bước đầu. Để xây dựng NTM theo hướng bền vững và tiến tới lên phường trong những năm tiếp theo cần tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu sau:

- Xây dựng kế hoạch cụ thể duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả các tiêu chí NTM, từng địa phương phải xác định rõ các tiêu chí trọng tâm để tập trung chỉ đạo, nhất là các tiêu chí về đời sống người dân, môi trường, văn hoá và an ninh trật tự. Đối với các xã đạt chuẩn cần tiếp tục phấn đấu xây dựng NTM để nâng cao chất lượng các tiêu chí và định hướng đầu tư các hạng mục lên phường trong thời gian tới. Huy động tối đa các nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

- Tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa từ đó xây dựng thương hiệu cho hàng nông sản trên địa bàn thành phố. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM trên địa bàn thành phố; tập trung nghiên cứu xây dựng đề án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố trong đó trọng tâm là đưa sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở liên kết và kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, tiêu thụ và chế biến nông sản trên địa bàn thành phố. Từ đó nâng cao giá trị canh tác trên một đơn vị diện tích và nâng cao thu nhập cho người nông dân phấn đấu đến năm 2020 giá trị trên một diện tích trồng trọt đạt 150 triệu đồng/ha/năm.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư phát triển sản xuất ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư có quy mô lớn, công nghệ hiện đại giải quyết việc làm và bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, phát triển các ngành nghề mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tạo việc làm nâng cao thu nhập, ổn định đời sống nhân dân.

- Đổi mới phương thức thực hiện và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn đào tạo nghề với triển khai các mô hình, dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cụ thể, theo nhu cầu hoặc dự án đầu tư ở nông thôn của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế...

Chú trọng bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan nông thôn, nhân rộng các tuyến đường "*Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp*", hiện đại, hợp lý và giữ gìn được những đặc trưng và bản sắc nông thôn truyền, cụ thể: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả mô hình thu gom rác thải nông nghiệp, mô hình tự quản vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn thành phố. Nhân rộng các mô hình đường hoa - cây xanh (trồng hoa từ nhà ra đồng), mô hình vườn mẫu, khu dân cư kiểu mẫu nhằm tạo môi trường nông thôn trong lành, không có các hoạt động gây ô nhiễm và suy thoái môi trường, thí điểm các mô hình phân loại rác tại nguồn và không sử dụng túi nilon trong sinh hoạt; đẩy mạnh xử lý môi trường ở những nơi có thể gây ô nhiễm.

- Thực hiện tốt quy chế, hương ước, quy ước hoạt động của thôn, làng văn hóa trong việc cưới, việc tang, hình thành nếp sống văn minh trong khu dân cư.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội; mở rộng mô hình cộng đồng dân cư tự quản các công trình, tự tổ chức tu bổ, tôn tạo và xây mới các công trình theo quy hoạch nhằm đảm bảo tính bền vững của chương trình.

- Tăng cường công tác vệ sinh môi trường nông thôn; tăng cường kiểm tra việc chấp hành Luật Bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 04 của Thành ủy về an ninh trật tự. Đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”; tăng cường công tác quân sự, quốc phòng địa phương, giải quyết tốt đơn thư của công dân và phòng chống tội phạm, phòng chống tham nhũng để giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội trong thời kỳ mới.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng NTM; tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của UBMT Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng NTM. Tiếp tục hoàn thiện và vận hành hiệu quả Hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

VIII. ĐỀ XUẤT- KIẾN NGHỊ

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của thành phố đã được đầu tư, nâng cấp đáp ứng đầy đủ điều kiện đạt thành phố NTM, tuy nhiên, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM và xứng tầm là một đô thị tinh lệ; đồng thời thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 với mục tiêu đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 đạt 35%, thành phố Thanh Hóa phải phấn đấu đạt tỷ lệ đô thị hóa 93%, phù hợp với định hướng của thành phố Thanh Hóa kết hợp xây dựng nông thôn mới nâng cao với phát triển đô thị; UBND thành phố Thanh Hóa kính đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa tiếp tục quan tâm, hỗ trợ toàn bộ tiền sử dụng đất phần điều tiết về ngân sách tỉnh cho UBND thành phố đối với 08 dự án khu dân cư đang và chuẩn bị triển khai thực hiện đầu tư xây dựng¹⁸ và cho phép thành phố Thanh Hóa được sử dụng 100% tiền sử dụng đất thu từ khai thác quỹ đất xen cư, xen kẹt trên địa bàn thành phố Thanh Hóa¹⁹ để đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tại các xã đang phấn đấu đến năm 2020 trở thành phường và xây dựng nông thôn mới nâng cao.

¹⁸ 08 dự án: Khu dân cư thôn 5, 6 xã Hoàng Quang (MBQH số 6523); Khu dân cư thôn 7 xã Hoàng Quang (MBQH số 3938); Khu xen cư số 3, 4 phố Lê Môn, phường Đông Hải (MBQH số 1643); Khu dân cư Bắc cầu Sàng, phường Nam Ngạn (MBQH số 09); Khu dân cư phố 6, phường Đông Cương (MBQH số 1204); Khu dân cư phố 5, phường Đông Cương; Khu đô thị mới Tây Ga, phường Phú Sơn (MBQH số 1642); Khu tái định cư Phú Sơn, phường Phú Sơn (MBQH số 73). Tám dự án khu dân cư trên hầu hết đã được UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư từ lâu nhưng chưa triển khai, một số dự án đã triển khai nhưng kéo dài nhiều năm chưa hoàn thành hạ tầng kỹ thuật; vì vậy, việc hỗ trợ toàn bộ tiền sử dụng đất phần điều tiết về ngân sách tỉnh cho UBND thành phố đối với 08 dự án khu dân cư trên không ảnh hưởng đến thu tiền sử dụng đất hàng năm của tỉnh trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

¹⁹ Tổng diện tích khảo sát đất xen cư, xen kẹt là 29,03ha.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2019 của thành phố Thanh Hóa. UBND thành phố Thanh Hóa kính trình UBND tỉnh Thanh Hóa thẩm tra và đề nghị Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Thanh Hóa hoàn thành nông thôn mới năm 2019./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để b/c);
- Văn phòng điều phối NTM tỉnh (b/c);
- Các thành viên BCD NTM thành phố;
- UBND các xã (t/h);
- Văn phòng điều phối NTM TP (t/h);
- Lưu: VT, TCKH.(Cvsv19.th7.9)

Lê Anh Xuân